Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 15/07/2022 07:55:56

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 779 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Quyết định 781/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Phụ lục Quyết định 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 về việc ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2265/TTr-SNNPTNT ngày 06/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng ĐPNTM TW;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT (NN) UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Thường trực: Huyện ủy, Thị ủy và Thành ủy;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PT-TH tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP (NN), KT, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN…

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Trần Hoàng Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số 779 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Đề án

Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Thời gian thực hiện

Giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

3. Phạm vi thực hiện

173 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Cơ quan quyết định đầu tư

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

5. Cơ quan chủ trì thực hiện Đề án

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi.

Giải thích thuật ngữ của Chương trình và một số từ viết tắt

VIẾT TẮT	VIẾT ĐẦY ĐỦ
CTNTM	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới
HTX	Hợp tác xã
KHCN	Khoa học công nghệ
MTQG	Mục tiêu Quốc gia
NTM	Nông thôn mới
OCOP	One Commune One Product (Mỗi xã một sản phẩm)
OVOP	One Village One Product (Mỗi làng xã Một sản phẩm)
OCOP tỉnh	Ban điều hành Chương trình OCOP tỉnh Quảng Ngãi
OCOP huyện	Ban điều hành Chương trình OCOP huyện
PTNT	Phát triển nông thôn
TNHH	(Công ty) Trách nhiệm hữu hạn
UBND	Ủy ban nhân dân

Phần 1
SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. KẾT QUẢ CHÍNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH OCCOP TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2018 - 2020

1. Về phát triển sản phẩm và chủ thể OCOP

Trong giai đoạn 2018 - 2020, tỉnh Quảng Ngãi đã có 61 sản phẩm được xếp hạng đạt OCOP 3 sao trở lên (đạt 244%, tăng 36 sản phẩm so với mục tiêu đề ra). Trong đó, có 4 sản phẩm đạt 4 sao và 57 sản phẩm đạt 3 sao, chưa có sản phẩm đạt 5 sao (chưa đạt mục tiêu), có 2 điểm du lịch nông thôn (đạt 100%).

Về cơ cấu sản phẩm, trong 61 sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao trở lên, có 42 sản phẩm thuộc nhóm thực phẩm (chiếm 68,85%); 1 sản phẩm thuộc nhóm lưu niệm - nội thất - trang trí (chiếm 1,64%); 06 sản phẩm thuộc nhóm đồ uống (chiếm 9,84%); có 10 sản phẩm thuộc nhóm thảo dược (chiếm 16,39%) và 02 sản phẩm thuộc nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng (mỗi nhóm chiếm 3,28%).

Có 31 chủ thể có sản phẩm đạt OCOP cấp tỉnh trong đó: 8 Doanh nghiệp vừa và nhỏ với 22 sản phẩm, 12 HTX với 24 sản phẩm và 11 cơ sở sản xuất kinh doanh/hộ kinh doanh với 15 sản phẩm (đạt 145% mục tiêu).

2. Công tác quản lý, điều hành, hỗ trợ

Bộ máy chỉ đạo, điều hành triển khai Chương trình, Hội đồng đánh giá phân hạng sản phẩm được kiện toàn đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã; đã tổ chức 36 lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực với hơn 1.500 lượt cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tham dự; tổ chức cho cán bộ, công chức và chủ thể nhiều đợt tham quan, học tập kinh nghiệm ở các tỉnh như Quảng Ninh, Thái Nguyên, Đồng Tháp, Sóc Trăng...; công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, gắn kết và lồng ghép với hoạt động truyền thông xây dựng Nông thôn mới qua các kênh truyền thông như báo, đài phát thanh truyền hình Tỉnh, trang thông tin điện tử của địa phương, mạng xã hội (facebook, zalo, Youtube...) dưới hình thức bản tin, chuyên đề, câu chuyện sản phẩm, phóng sự,...

Các hoạt động hỗ trợ phát triển sản phẩm, hỗ trợ quảng bá và xúc tiến thương mại được các cơ quan, địa phương chú trọng triển khai, như tổ chức các lễ hội dưa hấu (huyện Bình Sơn), lễ hội ngày mùa (huyện Mộ Đức), giới thiệu sản phẩm qua các kênh phân phối, bán lẻ, bán thương mại điện tử như: BigC, Vinmart, VNPost..., hỗ trợ đăng ký gian hàng tham gia Hội chợ triển lãm sản phẩm OCOP ở các tỉnh Quảng Ninh, Hà Nội, Nam Định, Thái Nguyên, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiên Giang..., hỗ trợ phát triển hệ thống phân phối, bán lẻ sản phẩm OCOP tại các điểm giới thiệu, mua bán sản phẩm

OCOP, siêu thị, khách sạn, các điểm du lịch...hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã có 05 điểm giới thiệu, trưng bày và bán sản phẩm OCOP, trong đó thành phố Quảng Ngãi 03 điểm, huyện Mộ Đức 01 điểm và thị xã Đức Phổ 01 điểm.

Trong giai đoạn 2018-2020, bên cạnh nguồn vốn của chủ thể, các địa phương cũng đã huy động, lồng ghép các nguồn ngân sách của địa phương, nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nguồn vốn hỗ trợ đổi mới công nghệ thiết bị, nguồn vốn hỗ trợ cải tiến năng suất chất lượng, hỗ trợ phát triển sở hữu trí tuệ, hỗ trợ xúc tiến thương mại... để hỗ trợ đầu tư, phát triển sản phẩm OCOP.

II. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Khó khăn, tồn tại, hạn chế

- Nhiều địa phương chưa thực sự quan tâm đến phát triển sản phẩm OCOP; một số huyện chưa có sản phẩm OCOP cấp tỉnh, hoặc có rất ít; việc quan tâm, lồng ghép các chương trình, chính sách, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội để hỗ trợ phát triển sản phẩm chưa thật sự đồng bộ.

- Văn bản quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm còn nhiều nội dung chưa rõ ràng, thống nhất; Bộ tiêu chí khó áp dụng, phải thực hiện nhiều văn bản pháp luật, nhiều thủ tục hành chính, thành lập nhiều loại hồ sơ phức tạp; một số tiêu chí chưa được kiểm soát, duy trì sau đánh giá chứng nhận; việc hỗ trợ người dân, doanh nghiệp về quy hoạch, đất sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu, cơ sở chế biến, giải quyết thủ tục hành chính còn nhiều hạn chế.

- Sản phẩm OCOP thời gian qua chủ yếu thuộc nhóm sản phẩm nông sản chưa qua chế biến hoặc sơ chế, chế biến đơn giản, giá trị gia tăng thấp, có ít sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm tiện lợi; hạn chế về chủng loại, kiểu dáng công nghiệp, hình thức, mẫu mã; diện tích sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, phân tán, thiếu ổn định; khả năng duy trì và phát triển của một số sản phẩm đã đánh giá, phân hạng còn thiếu bền vững; nhiều tiêu chí được áp dụng thiếu thực chất (phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch bảo vệ môi trường, nhãn hiệu tập thể, câu chuyện sản phẩm, áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, website ...).

- Việc vận động chủ thể tham gia và duy trì phát triển sản phẩm gặp nhiều khó khăn do chủ thể cho rằng phải thực hiện quá nhiều thủ tục hành chính, thành lập nhiều hồ sơ phức tạp, có thể bị các cơ quan quản lý kiểm tra nhiều, tốn kém chi phí, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh; sự giải thích khác nhau về tiêu chí và hồ sơ minh chứng dẫn đến rủi ro lãng phí thời gian, công sức, kinh phí đầu tư phát triển sản phẩm của chủ thể và của ngân sách.

- Nguồn lực tài chính đầu tư phát triển sản phẩm rất hạn chế, chủ thể khó tiếp cận nguồn vốn tín dụng của ngân hàng; việc mở rộng quy mô và duy trì sản xuất có nhiều khó khăn, khó đáp ứng được các đơn hàng lớn và liên tục; ứng dụng khoa học, công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất, chế biến

gặp nhiều khó khăn về vốn đầu tư, trình độ sử dụng; phát triển, khai thác thương mại sở hữu trí tuệ chưa được chủ thể quan tâm đúng mức; hỗ trợ xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm sau đánh giá chưa được chú trọng và thực hiện thường xuyên.

- Số lượng hợp tác xã tham gia phát triển sản phẩm OCOP rất ít, quan hệ kinh tế với thành viên HTX không bền vững, các HTX hầu như không sản xuất mà chủ yếu thu mua của hộ thành viên làm cho việc duy trì, cung ứng sản phẩm OCOP của HTX không ổn định.

2. Nguyên nhân của những khó khăn, tồn tại, hạn chế

- Việc triển khai nhiệm vụ phát triển sản phẩm OCOP của một số cơ quan, địa phương, nhất là cấp xã còn hạn chế, chưa nhận thức đầy đủ vai trò, ý nghĩa của Chương trình OCOP trong phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, chưa nắm vững đối tượng, phương pháp, yêu cầu, tiêu chí... phát triển sản phẩm; mỗi huyện, địa phương có sự phân công, phân nhiệm khác nhau nên thiếu thống nhất, đồng bộ trong phối hợp hỗ trợ phát triển sản phẩm; trách nhiệm, quyền hạn, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã trong phát triển sản phẩm OCOP chưa rõ ràng, cụ thể.

- Bộ tiêu chí OCOP mất nhiều thời gian, công sức, kinh phí và khó thực hiện do liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau như: công bố chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm, phân tích chỉ tiêu dinh dưỡng, áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn, đổi mới công nghệ, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp, xúc tiến thương mại, cung cấp dịch vụ, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tập thể, quản trị kinh doanh, chất lượng, thị trường và khách hàng...

- Hoạt động xúc tiến thương mại trước và sau đánh giá phân hạng sản phẩm còn thiếu đồng bộ, thường xuyên, kết nối rộng rãi, chuyên sâu về sản phẩm OCOP.

- Sự phối hợp, lồng ghép nhiệm vụ và nguồn kinh phí các chương trình mục tiêu, các đề án ngành, lĩnh vực để hỗ trợ phát triển sản phẩm của các sở ban ngành, địa phương còn thiếu thống nhất và đồng bộ;

- Kinh phí hỗ trợ phát triển sản phẩm rất hạn chế, việc hỗ trợ kinh phí đôi lúc chưa phù hợp, chưa sát với với đặc điểm của sản phẩm.

- Việc xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển sản phẩm ở một số địa phương còn có nhiều bất cập, thiếu nguồn lực, phân công nhiệm vụ không rõ ràng, giải pháp tổ chức thực hiện chưa cụ thể, chưa thực hiện đúng chu trình phát triển sản phẩm 6 bước; đăng ký kế hoạch phát triển sản phẩm bị động, chung chung, chưa gắn với thực tế sản phẩm, khả năng của chủ thể dẫn đến quá trình phát triển sản phẩm lúng túng, bị động; không ít cán bộ, công chức phụ trách sản xuất ở cấp xã không nắm rõ sản phẩm của địa phương để hướng dẫn đăng ký, hỗ trợ phát triển sản phẩm.

- Chủ thể ngại tốn kém, gia tăng chi phí gián tiếp, phát sinh thêm các khoản thuế, phí, lao động, phải tuân thủ nhiều quy định, bị kiểm tra nhiều nên không muốn tham gia phát triển sản phẩm OCOP.

- Sự giải thích khác nhau giữa chủ thể, cơ quan quản lý chuyên ngành, hội đồng đánh giá các cấp về một số tiêu chí, hồ sơ minh chứng dẫn đến kết quả đánh giá không đạt ảnh hưởng không nhỏ đến công tác vận động, tuyên truyền chủ thể tham gia phát triển sản phẩm OCOP[1].

- Không ít cơ sở sản xuất sử dụng nguyên liệu, vật liệu, thành phần phụ gia... trái quy định để giảm chi phí sản xuất, tăng độ hấp dẫn của sản phẩm, gia tăng lợi nhuận nên không muốn tham gia phát triển sản phẩm OCOP.

- Có những sản phẩm mang bản sắc truyền thống, địa phương rất tốt nhưng khó phát triển vì chủ thể lớn tuổi, không có lực lượng lao động kế thừa, nhất là những sản phẩm gắn với yếu tố nghệ nhân[2], sản phẩm có bí quyết gia truyền.

3. Kiến nghị, đề xuất

a) Cơ quan triển khai Chương trình

- Đề nghị ban hành hướng dẫn về kinh phí hỗ trợ, phân công trách nhiệm, quyền hạn các cấp, các cơ quan chuyên môn rõ ràng hơn, xác định cụ thể hơn trách nhiệm của cấp xã trong phát triển sản phẩm OCOP; ban hành văn bản hướng dẫn cách hiểu, áp dụng, hồ sơ minh chứng một số tiêu chí; phát hành tài liệu hướng dẫn phát triển sản phẩm OCOP đơn giản để cơ quan, quản lý, chủ thể sản xuất dễ đọc, dễ hiểu, dễ thực hiện; ưu tiên phát triển sản phẩm OCOP cho những xã sẽ đánh giá đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao; kết hợp phát triển sản phẩm OCOP với nhóm sản phẩm chủ lực của các huyện, thị xã, thành phố[3].

- Đề nghị hỗ trợ xúc tiến thương mại, truyền thông mạnh hơn về sản phẩm OCOP đã đạt ba sao trở lên để quảng bá, tiêu thụ; Tỉnh nên bố trí nguồn kinh phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng trung tâm bán và trưng bày sản phẩm OCOP tại huyện; cần định hướng phát triển sản phẩm OCOP chất lượng, giá thành phù hợp với khả năng tiêu dùng của người dân tại địa phương.

- Đề nghị công khai thông tin đánh giá các sản phẩm không đạt để chủ thể sản xuất biết và có ý kiến khiếu nại, phản hồi kết quả đánh giá.

- Đề nghị tăng cường bồi dưỡng, tư vấn, hướng dẫn cho cán bộ, công chức cấp cơ sở, nâng cao năng lực chủ thể về áp dụng tiêu chí OCOP.

---

[1] Nguồn gốc, tỉ trọng nguyên liệu, quy mô sản xuất, chỉ tiêu cảm quan, phân loại sản phẩm đánh giá, nơi đăng ký phát triển sản phẩm, thẩm quyền xác nhận công bố chất lượng sản phẩm, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng, mức độ chế biến, hồ sơ bảo vệ môi trường, sản phẩm công nghiệp và sản phẩm truyền thống...

[2] Nghề làm gốm, làm bánh truyền thống, nghề mây tre đan.

[3] Sản xuất, tiêu thụ cây mây nước; chế tác đồ thủ công mỹ nghệ, gia dụng từ cây mây; trâu thịt; bò thịt; cá lồng bè...

b) Kiến nghị, đề xuất của chủ thể

- Đề nghị hỗ trợ kinh phí, được tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi của các Ngân hàng Thương mại cổ phần, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng chính sách xã hội để đầu tư, phát triển sản phẩm; hỗ trợ đầu tư thiết bị, công nghệ, tem nhãn, bao bì, kiểu dáng sản phẩm; hỗ trợ đất đai phục vụ sản xuất, mở rộng vùng nguyên liệu, hình thành cơ sở sơ chế, chế biến; hỗ trợ thủ tục hành chính, thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến phát triển sản phẩm OCOP; tăng cường hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm OCOP tại địa phương, hỗ trợ điểm bán hàng, trưng bày sản phẩm, tuyên truyền tiêu dùng sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh, huyện, xã; hỗ trợ đào tạo, tư vấn, hướng dẫn nâng cao năng lực sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP.

- Việc phát triển sản phẩm OCOP cần thực chất, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, duy trì tiêu chí của các sản phẩm đã được đánh giá, phân hạng, kiểm tra, xử lý các cơ sở kinh doanh giả mạo sản phẩm đạt chuẩn OCOP; cần có văn bản hướng dẫn thống nhất áp dụng, hồ sơ minh chứng một số tiêu chí có sự giải thích không thống nhất; công khai quá trình, kết quả đánh giá sản phẩm, lý do không đạt ở các cấp đánh giá để chủ thể phản hồi, bảo vệ quyền lợi.

Tóm lại, Chương trình OCOP tại tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2020 đã có sự lan tỏa, tác động tích cực đến chủ thể sản xuất, trở thành phong trào sản xuất chuẩn mực, góp phần thúc đẩy nhận thức của chủ thể sản xuất, cơ quan quản lý trong chuyển đổi phương thức sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp nông thôn, tạo ra những giá trị mới cho sản phẩm, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của các địa phương. Nhìn chung, chủ thể tham gia phát triển sản phẩm OCOP đạt cấp tỉnh có sự mở rộng thị trường, gia tăng doanh thu, lợi nhuận, tạo thêm nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động tại địa phương, đã có nhiều chủ thể OCOP thực hiện liên kết sản xuất tiêu thụ ổn định với doanh nghiệp, nhà tiêu thụ lớn trong và ngoài tỉnh như: Vinacel, BigC, Vinmart, VNPost, Siêu thị CoopMart Quảng Ngãi và siêu thị Thành Nghĩa.

III. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

- *Sản vật từ biển:* Quảng Ngãi có nguồn lợi thuỷ sản biển phong phú, đa dạng như: Tôm hùm, tôm sú, tôm bạc, tôm đất, ghẹ, cua huỳnh đế, mực ống, mực nang, cá đối, cá măng, cá vược, cá dìa, cá căng... là những loài thuỷ sản có giá trị kinh tế cao. Ngoài ra, còn có các loài thực vật biển như: Rong câu chỉ vàng, rong câu chân vịt, rong sụn,... Tận dụng thế mạnh, từ lâu đời, nhiều hộ sản xuất, làng nghề từ lâu đã tạo ra sản phẩm truyền thống đặc trưng như các loại nước mắm, cá mực tầm, chả cá, nước rong biển...

- *Sản vật từ khu vực rừng núi:* Khu vực rừng núi Quảng Ngãi có các suối, thác nước và nhiều di tích văn hóa, lịch sử, nhiều đặc sản đặc sắc như:

Ớt xiêm rừng, cá niên, heo bản địa, tiêu rừng, sâm bảy lá, mật ong rừng, gà bản địa, gạo rẫy, đậu đen, đậu xanh, quế, khổ qua rừng.

- *Các đặc sản ẩm thực:* Là một tỉnh có nền sản xuất nông nghiệp phong phú, hệ sinh thái đa dạng, lịch sử ẩm thực lâu đời nên Quảng Ngãi cũng có rất nhiều sản phẩm ẩm thực đặc sắc, như: Don, cá bống cát sông Trà, kẹo gương, Quế Trà Bồng, đường phèn, đường phổi, mạch nha, bánh nổ, bánh thuẫn, bánh ít lá gai...Và còn rất nhiều sản vật ẩm thực phong phú có khả năng phát triển thành sản phẩm OCOP có giá trị kinh tế cao.

- *Các danh lam, thắng cảnh, di tích văn hóa, lịch sử, lễ hội:* Quảng Ngãi là vùng đất được thiên nhiên ưu đãi với hệ sinh thái đa dạng, phong phú, nhiều di sản văn hóa, cảnh đẹp từ miền biển, đồng bằng đến miền núi như: Đảo Lý Sơn, biển Sa Huỳnh, biển Mỹ Khê, biển Khe Hai, núi Thiên Ấn, Thảo nguyên Bùi Hui, Rừng đước Bàu Cá Cái, Thác Trắng, núi Cà Đam, Suối thác Trà Bói, Công viên di sản làng Gò Cò, khu du lịch Bãi Dừa,... Quảng Ngãi còn có rất nhiều lễ hội đặc sắc, đậm nét văn hoá truyền thống như: Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa ở huyện đảo Lý Sơn, Lễ hội Điện Trường Bà ở huyện Trà, Lễ cầu ngư Sa Huỳnh ở thị xã Đức Phổ, Lễ hội Chùa Ông ở huyện Tư Nghĩa, Lễ hội đua thuyền...

- *Các làng nghề và sản phẩm làng nghề truyền thống:* Vì có lịch sử nền sản xuất lâu đời nên Quảng Ngãi rất phong phú các làng nghề, trên địa bàn tỉnh có khoảng 17 làng nghề có thể xếp vào 3 nhóm chính là: Nhóm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản (có 11/17 làng nghề thuộc các loại hình chế biến hải sản; sản xuất bún, bánh tráng; bánh kẹo, làm muối); nhóm hàng thủ công mỹ nghệ (có 05/17 làng nghề thuộc các loại hình sản xuất chổi đót; mây tre đan; rèn thủ công; đan sợi, đánh võng; trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, rèn đúc đồng) và nhóm cây trồng, kinh doanh sinh vật cảnh (có 01/17 làng nghề)[4].

IV. SỰ CẦN THIẾT TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH OCOP Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

Chương trình OCOP được triển khai thực hiện ở tỉnh Quảng Ngãi đã góp phần chuyển đổi nền sản xuất nông nghiệp, nông thôn theo hướng chuẩn hóa, hiện đại, hiệu quả và bền vững hơn, thúc đẩy mạnh mẽ liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, nông thôn. Công tác tổ chức thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành đã được định hình cơ bản về nhận thức, giải pháp và phương thức thực hiện.

---

[4] Điển hình một số làng nghề như: Làng nghề làm gốm Mỹ Thiện, làng nghề đúc đồng Chú Tượng, làng nghề rèn An Khánh, làng nghề chế tác đá thôn An Đại, thôn La Vân, làng nghề chế tác sừng ở làng An Thiết, làng Phước Thọ, làng Lâm Lộc Bắc, làng nghề mộc cổ truyền ở những làng Đồng Viên, nghề làm mắm như Thạch Bi, Long Thành, Long Trì, An Phổ, Kỳ Tân, An Chuẩn, Phổ An, Cổ Lũy, Mỹ An, An Vĩnh, Kỳ Xuyên và Tuyết Diêm...; làng nghề dệt chiếu như các làng Thu Xà, thôn Cổ Lũy, làng nghề đan thôn Hà Nhai, làng nghề dệt thổ cẩm Làng Teng, làng nghề chế biến hải sản Thạch Bi, làng nghề bánh tráng Hành Trung, làng nghề cây cảnh Xuân Vinh, làng nghề chổi đót như Phổ Phong, Hành Thuận.

Bên cạnh những kết quả tích cực, vì nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan, việc triển khai Chương trình OCOP vẫn còn những tồn tại, bất cập, hạn chế nhất định cho nên chưa khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh trong phát triển sản phẩm OCOP ở tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian vừa qua.

Để tiếp tục kế thừa và phát huy những thành tựu của Chương trình OCOP của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2020, khắc phục được những hạn chế, vướng mắc trong tổ chức thực hiện ở giai đoạn trước, xây dựng được hệ thống giải pháp, cơ chế, nhiệm vụ thực hiện Chương trình một cách đồng bộ, phù hợp và hiệu quả; thu hút nhiều hơn nữa sự quan tâm của các cấp, các ngành và chủ thể sản xuất trong đầu tư, phát triển sản phẩm nông nghiệp, nông thôn tỉnh Quảng Ngãi theo định hướng của Bộ tiêu chí OCOP, giúp hoạt động sản xuất hàng hóa trong lĩnh vực nông nghiệp ngày càng hiện đại, chuyên nghiệp hơn, sản phẩm ngày càng có giá trị gia tăng cao, chất lượng chuẩn mực, năng lực sản xuất, chế biến, kinh doanh của chủ thể không ngừng được cải thiện và nâng lên, góp phần thực hiện thành công Chương trình xây dựng Nông thôn mới, vì vậy tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án "Mỗi xã một sản phẩm" giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 là yêu cầu cần thiết của tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn hiện nay.

Phần 2
NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM

- Chương trình "Mỗi xã, phường một sản phẩm" (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 là một trong những chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm, giải pháp quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân, góp phần thực hiện thành công Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ngãi.

- Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, ban hành khung pháp lý và chính sách để thực hiện, định hướng quy hoạch các vùng sản xuất hàng hoá, dịch vụ; quản lý và giám sát tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; Hỗ trợ các khâu: Đào tạo tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, áp dụng Khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển, hoàn thiện, duy trì sản phẩm nông nghiệp, nông thôn của tỉnh Quảng Ngãi theo định hướng sản xuất hàng hóa bền vững, chuẩn hóa chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực sản xuất, chế biến, kinh doanh, ứng dụng khoa học, công nghệ, khả năng cạnh tranh của chủ thể sản xuất; gia tăng giá trị sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động

nông thôn, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần thực hiện nhóm tiêu chí "Kinh tế và tổ chức sản xuất" trong xây dựng Nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021 - 2025

a1) Về phát triển sản phẩm OCOP

- Đến năm 2025, có 200 sản phẩm OCOP mới[5] đạt 3 sao trở lên, trong đó có khoảng 3 - 5 sản phẩm có tiềm năng đạt 5 sao.

- Duy trì 100% sản phẩm OCOP đã đạt từ 3 sao trở lên giai đoạn 2018 - 2020[6], nâng hạng khoảng 15% sản phẩm đạt 4 sao trở lên.

- Phấn đấu đạt 10% chủ thể OCOP có sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên thực hiện mô hình theo chuỗi giá trị theo hướng kinh tế tuần hoàn, OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu ổn định.

a2) Về phát triển chủ thể OCOP

- Củng cố, phát triển, nâng cao năng lực khoảng 100 chủ thể tham gia phát triển, sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP.

- 100% chủ thể OCOP được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực phát triển, sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP.

- 50% làng nghề có sản phẩm đánh giá đạt 3 sao trở lên.

- Ít nhất 10% -15% chủ thể OCOP có sản phẩm đạt 3 sao trở lên là hợp tác xã.

a3) Về nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức

100% đội ngũ cán bộ, công chức tham gia công tác chỉ đạo, điều hành, phát triển sản phẩm, đánh giá sản phẩm OCOP được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ thực hiện Chương trình OCOP.

b) Định hướng đến năm 2030

Củng cố, duy trì sản phẩm đã phát triển trong giai đoạn 2018 - 2020, giai đoạn 2021 - 2025 đã đạt 3 sao trở lên; nâng cấp khoảng 30% sản phẩm đạt 3 sao lên 4 sao; phát triển mới khoảng 250 sản phẩm đạt 3 sao trở lên trong đó có khoảng 1% - 2% đạt sản phẩm 5 sao; phát triển 200 chủ thể sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP trong đó có 20% - 30% là hợp tác xã.

Phấn đấu đến năm 2030, hình thành nền sản xuất nông nghiệp mang đậm nét văn hóa OCOP, các tiêu chí OCOP trở thành phổ biến, cơ sở sản xuất tự ý thức, tự giác thực hiện Chương trình OCOP vì quyền lợi của chính cơ sở.

---

[5] Không tính sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên đã phát triển trong giai đoạn 2018-2020.

[6] Giai đoạn 2018 - 2020, tỉnh Quảng Ngãi phát triển được 57 sản phẩm 3 sao; 4 sản phẩm đạt 4 sao.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

- Phạm vi không gian thực hiện: 173 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian: Giai đoạn từ năm 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Đối tượng thực hiện

- Chủ thể phát triển, sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP: Các loại hình doanh nghiệp[7]; tổ hợp tác (THT), hợp tác xã (HTX), liên hiệp hợp tác xã[8]; các hộ sản xuất, kinh doanh[9]; hiệp hội, trung tâm, cộng đồng, làng nghề.

- Cơ quan quản lý Nhà nước: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan: Ngân hàng chính sách, Ngân hàng Nông nghiệp, Liên minh hợp tác xã, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên...

IV. NỘI DUNG TRỌNG TÂM CỦA ĐỀ ÁN

1. Căn cứ xây dựng Đề án

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/04/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

---

[7] Luật số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội ban hành Luật Doanh nghiệp.
[8] Luật số 23/2012/QH 13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội ban hành Luật Hợp tác xã.
[9] Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

- Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp và nông thôn;

- Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020 (gọi tắt là Chương trình OCOP);

- Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

- Quyết định số 781/QĐ-TTg ngày 8/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Phụ lục Quyết định 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 về việc ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/06/2020 của Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030;

- Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 của Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Khuyến công quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 29/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Quyết định 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025;

- Thông tư số 05/2019/TT-BKHCN ngày 26/6/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

- Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2019 của Bộ nông nghiệp và PTNT về việc Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

- Quyết định số 3041/QĐ-BCT ngày 08/6/2019 của Bộ Công Thương về việc ban hành và áp dụng Bộ tiêu chí, mẫu thiết kế Biển hiệu/Biểu tượng cho điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 18/2/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025;

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 11/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025;

- Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;

- Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát lập Đề án; nghị quyết, kế hoạch phát triển sản phẩm, ngành nghề nông nghiệp, nông thôn của các địa phương.

2. Các nội dung cơ bản thực hiện Đề án OCOP tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025

a) Hoàn thiện hệ thống tổ chức điều hành, triển khai thực hiện Đề án

- *Ở cấp tỉnh:* Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn chỉ đạo, điều hành thực hiện Đề án; Văn phòng Điều phối xây dựng Nông thôn mới tỉnh là cơ quan thường trực tham mưu triển khai thực hiện Đề án; kiện toàn Hội đồng đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh.

- *Ở cấp huyện:* Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn chỉ đạo, điều hành thực hiện các nội dung của Đề án thuộc nhiệm vụ của địa phương; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế là cơ quan tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo; kiện toàn Hội đồng đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP cấp huyện.

- *Ở cấp xã:* UBND cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Chương trình OCOP và phân công công chức phụ trách Chương trình nông thôn mới kiêm nhiệm Chương trình OCOP.

b) Triển khai công tác quản lý, điều hành thực hiện Đề án

- Hội nghị triển khai Đề án OCOP giai đoạn 2021 - 2025. Sau khi Đề án được phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành tổ chức hội nghị triển khai Đề án.

- Xây dựng ban hành quy chế phối hợp thực hiện Đề án ở các cấp theo thẩm quyền để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án được phân công, phân cấp.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ, công chức quản lý, triển thực hiện Đề án.

- Tổ chức các đoàn tham quan, nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm phát triển sản phẩm OCOP đến các địa phương có kết quả thực hiện tốt Chương trình OCOP.

- Xây dựng và triển khai các dự án thành phần tạo động lực của Đề án.

- Xây dựng, tổ chức kế hoạch đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP mỗi năm 2 lần ở hai cấp gồm cấp huyện và cấp tỉnh.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo, tổng kết kết quả thực hiện Đề án, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ theo chế độ báo cáo công tác.

Bảng công việc chính và tiến độ triển khai công tác quản lý, điều hành thực hiện Đề án:

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Hội nghị triển khai Đề án OCOP	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý III/2022
2	Ban hành quy chế phân công nhiệm vụ, phối hợp thực hiện Đề án	Cơ quan thường trực các cấp	Quý III - IV/2022
3	Xây dựng, trình ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng tiêu chí, yêu cầu về hồ sơ đánh giá, phân hạng sản phẩm.	Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM tỉnh	Quý III - IV/2022
4	Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định, hướng dẫn chế độ, chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP	Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM tỉnh	Quý III - IV/2022

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Thời gian
5	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cán bộ, công chức tham gia công tác phát triển, đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
6	Thực hiện Chu trình OCOP thường niên	Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Hàng năm
7	Tổ chức đánh giá, phân hạng, công bố sản phẩm OCOP	Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm cấp tỉnh, cấp huyện	Mỗi năm 2 lần vào Tháng 6 và Tháng 11
8	Kiểm tra, giám sát việc duy trì tiêu chí OCOP sản phẩm đã chứng nhận; vi phạm sử dụng nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm OCOP	Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM tỉnh	Thường xuyên
9	Thực hiện chế độ báo cáo, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án	Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM tỉnh	Theo chế độ, tổng kết công tác

c) Triển khai Chu trình OCOP 6 bước hàng năm

Việc phát triển, tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP ở các địa phương, các cấp đảm bảo theo yêu cầu Chu trình OCOP 6 bước như sau:

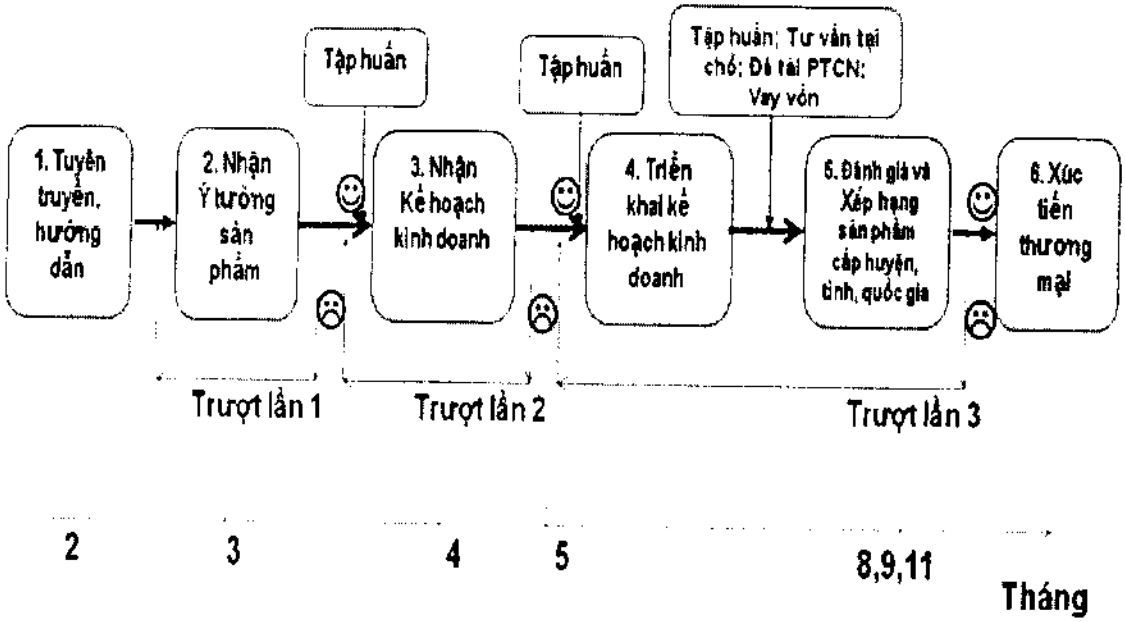

d) Phát triển sản phẩm OCOP[10]

d1) Phát triển sản phẩm OCOP theo 06 nhóm

Nhóm Thực phẩm, gồm: Nông sản tươi sống và nông sản chế biến

Nhóm Đồ uống, gồm: Đồ uống có cồn, đồ uống không cồn.

Nhóm Thảo dược, gồm: Các sản phẩm có thành phần từ cây dược liệu.

Nhóm vải và may mặc, gồm: Các sản phẩm làm từ bông, sợi.

Nhóm Thủ công mỹ nghệ, trang trí, gồm: Các sản phẩm từ gỗ, sợi, mây tre, kim loại, gốm sứ, dệt may, … làm đồ lưu niệm, đồ gia dụng.

Nhóm Du lịch nông thôn, bán hàng, gồm: Các sản phẩm dịch vụ phục vụ tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng, giải trí, học tập, nghiên cứu, …

Phụ lục 1. Danh mục phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2021 -2025 (Danh mục phát triển sản phẩm OCOP sẽ được bổ sung, điều chỉnh hàng năm để đảm bảo cập nhật sự biến động của sản phẩm và chủ thể)

d2) Các mô hình điển hình, định hướng

Phụ lục 2. Mô hình thí điểm xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu địa phương theo hướng kinh tế tuần hoàn và nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 -2025.

Phụ lục 3. Mô hình nâng cao năng lực sơ chế và chế biến quy mô vừa và nhỏ.

Phụ lục 4. Mô hình thí điểm sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch cộng đồng.

---

[10] Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020.

d3) Các hoạt động chính hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP

- Chuẩn hóa chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm. Các sản phẩm OCOP được khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thiện các yêu cầu về đảm bảo chất lượng sản phẩm theo bộ tiêu chí và các quy định của pháp luật có liên quan, xây dựng và công bố quy trình sản xuất, kiểm soát nguồn nguyên liệu, kiểm soát quá trình sản xuất; thực hiện truy xuất nguồn gốc; áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến nâng cao năng suất chất lượng, đẩy mạnh hoạt động chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, công bố chất lượng sản phẩm, đăng ký mã số, mã vạch, ghi nhãn hàng hóa...; đào tạo, nâng cao nhận thức, tăng cường kỹ năng, nghiệp vụ về quản lý chất lượng, kiểm soát an toàn thực phẩm chất lượng cho chủ thể OCOP.

- Nâng cao cơ hội tiếp cận thị trường. Nhằm nâng cao giá trị thương hiệu sản phẩm, tăng khả năng tiếp cận sản phẩm đối với người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh, xây dựng thị trường tiêu thụ ổn định.

- Tăng cường hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao khả năng tham gia hiệu quả các sàn thương mại điện tử, sử dụng hiệu quả các trang điện tử, mạng xã hội trong quảng bá, thương mại sản phẩm OCOP; hướng dẫn cách thức đưa sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử Voso.vn, Postmart, Lazada…; tập huấn kỹ năng bán hàng livestream, tham gia quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên hội chợ/triển lãm thực tế ảo.

- Xây dựng, triển khai lồng ghép, ưu tiên các nhiệm vụ, đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ …giúp nâng cao năng lực quản trị sản xuất, kinh doanh, gia tăng năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm OCOP.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

Đơn vị thực hiện: Các sở ban ngành, cơ quan chuyên môn, đơn vị, tổ chức có nhiệm vụ liên quan.

d4) Xây dựng và triển khai các dự án thành phần tạo động lực cho Đề án

Dự án cấp Tỉnh

Dự án 1. Nâng cao năng lực sơ chế, chế biến sản phẩm ở quy mô vừa và nhỏ cho chủ thể OCOP.

Dự án 2. Hỗ trợ phát triển sở hữu trí tuệ cho sản phẩm OCOP.

Dự án 3. Hỗ trợ công bố chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực quản lý chất lượng sản phẩm OCOP.

Dự án 4. Hỗ trợ phát triển hệ thống tiêu thụ sản phẩm OCOP.

Dự án 5. Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP tỉnh Quảng Ngãi.

Dự án 6. Hệ thống quản lý dữ liệu, truy xuất nguồn gốc và chuỗi cung ứng.

Và các dự án khác phù hợp với yêu cầu tạo động lực của Đề án do các cơ quan, tổ chức đề xuất trong quá trình thực hiện Đề án và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Dự án cấp huyện

Mỗi huyện, thị xã, thành phố lựa chọn, xây dựng và hỗ trợ phát triển tối thiểu 03 sản phẩm gắn với đề án, dự án sản xuất, chế biến, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên, có liên quan đến thế mạnh, sản phẩm bản địa, sản phẩm truyền thống, sản phẩm chủ lực của địa phương gắn với vùng nguyên liệu ổn định, hình thành liên kết sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị bền vững.

Dự án cấp xã

Mỗi xã, phường, thị trấn lựa chọn ít nhất 01 sản phẩm đặc trưng, thế mạnh, bản địa, truyền thống để hỗ trợ triển khai dự án sản xuất, chế biến, liên kết sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị bền vững.

đ) Phát triển chủ thể OCOP

Phát triển, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP của chủ thể. Sản phẩm OCOP có được hình thành, phát triển bền vững hay không phụ thuộc rất lớn vào năng lực của chủ thể sản xuất, vì vậy nâng cao năng lực chủ thể OCOP là yêu cầu khách quan, tất yếu đảm bảo sự thành công của Đề án. Các cơ quan, địa phương xây dựng, thực hiện kế hoạch phát triển số lượng, chất lượng các chủ thể; chú trọng phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP, phục vụ cộng đồng; tạo điều kiện cho chủ thể, chủ trì, tham gia dự án sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị hướng đến phát triển sản phẩm OCOP.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

Đơn vị thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng, UBND cấp huyện, cấp xã.

Bảng các hoạt động chính hỗ trợ phát triển chủ thể OCOP

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
I	Thực hiện các hoạt động hỗ trợ về đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của chủ thể OCOP.	Sở NN & PTNT, Sở ban ngành có nhiệm vụ liên quan, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Hàng năm

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
2	Thực hiện các hoạt động hỗ trợ trực tiếp nâng cao năng lực sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm, nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, thiết bị; phát triển sở hữu trí tuệ; hỗ trợ quy hoạch, đất đai, hạ tầng...	Sở NN & PTNT, và các đơn vị chức năng trực thuộc, sở ban ngành có liên quan, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Hàng năm
3	Hỗ trợ thủ tục hành chính, pháp lý liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh	Các cơ quan quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, bộ phận một cửa	Thường xuyên

3. Triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP

Các cơ quan, địa phương theo thẩm quyền quản lý, thực hiện cơ chế, chính sách chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa, lồng ghép kinh phí, nhiệm vụ trong các đề án, chiến lược, kế hoạch... phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và hướng dẫn, tạo điều kiện, hỗ trợ cho chủ thể về thủ tục, kinh phí, điều kiện và cách thức thực hiện, cụ thể:

- Chính sách hỗ trợ về pháp lý, thủ tục hành chính. Các cơ quan chức năng tích cực cung cấp thông tin, hướng dẫn, phổ biến quy định pháp luật, thủ tục hành chính liên quan đến phát triển, sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP cho chủ thể OCOP. Các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, bộ phận một cửa chịu trách nhiệm thực hiện giải pháp này.

- Chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực cho chủ thể OCOP. Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực sản xuất, chế biến, kinh doanh của chủ thể OCOP cho chủ cơ sở, giám đốc, người lao động... theo quy định hiện hành.

- Chính sách hỗ trợ về chuẩn hóa chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm[11]. Hỗ trợ chủ thể về thử nghiệm, kiểm định an toàn thực phẩm, chỉ tiêu dinh dưỡng, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn cơ sở, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm, công bố chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, áp dụng tiêu chuẩn, công cụ quản lý chất lượng, cải tiến năng suất, chất lượng, kiểm soát an toàn thực phẩm, kiểm soát môi trường: VietGap, HACCP, ISO 9001:2015, ISO 22000, GMP, ISO 14001...

- Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP[12]. Hỗ trợ nhãn hiệu hàng hóa, công cụ tiếp cận thị trường; hỗ trợ quảng bá sản phẩm

[11] Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá giai đoạn 2021-2030.

[12] Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia; Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực

trên các phương tiện truyền thông của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; hỗ trợ tham gia các hội chợ, triển lãm, diễn đàn kinh tế trong và ngoài nước; hình thành các trung tâm xúc tiến thương mại (bán và giới thiệu sản phẩm); hỗ trợ địa điểm giới thiệu, bán sản phẩm tại các địa phương; hỗ trợ tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử; hỗ trợ hình thành các kênh, hệ thống tiêu thụ sản phẩm OCOP đa dạng tại các địa phương qua các điểm du lịch, kênh bán hàng tạp hóa, cửa hàng, siêu thị, chợ.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, công nghệ, chế biến sản phẩm[13]. Hỗ trợ xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế, chế biến, mua sắm trang thiết bị, công cụ, dụng cụ; xây dựng, lắp đặt hạ tầng vận chuyển, cấp thoát nước, điện sản xuất, địa điểm bốc dỡ hàng hóa, lồng bè, chuồng trại... phục vụ sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP theo quy định hiện hành.

Và các cơ chế, chính sách khác có liên quan đến hoạt động hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng chi phí thực hiện Đề án: *52.331.520.000 đồng*

(Bằng chữ: Năm mươi hai tỷ, ba trăm ba mươi mốt triệu, năm trăm hai mươi ngàn đồng).

Trong đó:

- Kinh phí đánh giá, xếp hạng sản phẩm: 5.752.320.000 đồng.
- Kinh phí hỗ trợ phát triển sản phẩm: 40.000.000.000 đồng.
- Kinh phí hỗ trợ nâng cao năng lực chủ thể: 1.779.200.000 đồng.
- Kinh phí hỗ trợ xúc tiến thương mại: 1.200.000.000 đồng.
- Kinh phí dự án tạo động lực: 3.600.000.000 đồng.

2. Phân kỳ kinh phí

- Năm 2022: 10.568.000.000 đồng.
- Năm 2023: 16.705.408.000 đồng.
- Năm 2024: 12.529.056.000 đồng.
- Năm 2025: 12.529.056.000 đồng.

---

hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

[13] Nghị định 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông; Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Nguồn vốn thực hiện

- Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách: 80.89%.

Trong đó:

+ Nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ từ nguồn ngân sách Chương trình MTQG xây dựng NTM: 24.90%.

+ Ngân sách tỉnh từ chương trình NTM: 36.88%.

+ Vốn huy động từ các chương trình khác của huyện: 19.11%.

- Nguồn vốn huy động từ chủ thể: 19.11%.

Phụ lục 5. Kinh phí thực hiện Đề án.

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về công tác lãnh đạo, điều hành

- Hoàn thiện hệ thống chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Đề án, Hội đồng đánh giá phân hạng sản phẩm.

Thời gian thực hiện: Quý III/2022.

Đơn vị thực hiện: UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Tham mưu xây dựng, ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành triển khai thực hiện bộ công cụ quản lý, điều hành thực hiện Đề án, gồm: Quy chế phân công nhiệm vụ của thành viên Ban Chỉ đạo, Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm; văn bản hướng dẫn áp dụng cơ chế, chính sách, nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản phẩm; văn bản hướng dẫn, giải thích thống nhất yêu cầu áp dụng, hồ sơ minh chứng đối với các tiêu chí còn nhiều cách hiểu, giải thích khác nhau; kế hoạch kiểm tra, giám sát, duy trì, tuân thủ tiêu chí OCOP sau đánh giá, vi phạm sử dụng nhãn hiệu chứng nhận OCOP; quy chế phân công nhiệm vụ, phối hợp của các sở ban ngành; quy chế công khai quá trình, kết quả đánh giá, giải quyết khiếu nại, phản ánh của chủ thể khi tham gia đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP; văn bản hướng dẫn lồng ghép nhiệm vụ phát triển sản phẩm OCOP trong chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án...của ngành, lĩnh vực, địa phương.

Thời gian thực hiện: Theo tiến độ triển khai Đề án.

Đơn vị thực hiện: Văn phòng Điều phối xây dựng Nông thôn mới tỉnh.

2. Giải pháp về tuyên truyền, vận động và tư vấn

Các cơ quan, sở ban ngành, cán bộ, công chức các cấp phụ trách triển khai các nhiệm vụ thực hiện Đề án OCOP xây dựng chương trình, kế hoạch, lựa chọn hình thức, phương pháp, nội dung phổ biến, tuyên truyền, vận động phù hợp trên các phương tiện thông tin, truyền thông, mạng xã hội, trang thông tin điện tử và các hình thức khác; thiết kế in ấn phổ biến tài liệu hướng dẫn phát triển sản phẩm; khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức tư vấn,

chứng nhận, trung tâm, viện nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ... tham gia tư vấn phát triển sản phẩm OCOP.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên

Đơn vị thực hiện: Các sở ban ngành, tổ chức, địa phương thực hiện nhiệm vụ của Đề án theo thẩm quyền.

3. Giải pháp về nguồn lực, huy động vốn

- Huy động nguồn lực về đất đai, nhà xưởng, nguyên liệu, công nghệ, thiết bị... của các chủ thể sản xuất để tham gia phát triển sản phẩm OCOP bằng các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng về phát triển sản phẩm OCOP, quản trị sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm, marketing cho chủ cơ sở, giám đốc của các doanh nghiệp, HTX, các cơ sở sản xuất, hộ sản xuất tham gia phát triển sản phẩm.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên, gắn kết, lồng ghép với nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cơ quan, địa phương.

Đơn vị thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, UBND cấp huyện, cấp xã được phân cấp thẩm quyền thực hiện chức năng, nhiệm vụ về xây dựng Nông thôn mới.

- Các cơ quan, địa phương nghiên cứu, bố trí, lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ chủ thể phát triển, sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP, gồm: Nguồn vốn các chương trình mục tiêu Quốc gia; vốn sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội; nguồn vốn khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công; nguồn vốn hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; phát triển kinh tế tập thể; nguồn vốn huy động từ doanh nghiệp, hợp tác xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Các Ngân hàng Thương mại cổ phần, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng chính sách xã hội, quỹ tín dụng nhân dân ưu tiên chủ thể OCOP tiếp cận các nguồn vốn tín dụng thông qua các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

Đơn vị thực hiện: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp huyện, cấp xã.

4. Giải pháp quy hoạch, đất đai, phát triển vùng nguyên liệu

- Các cấp chính quyền địa phương căn cứ vào thẩm quyền quản lý đất đai, tài sản công có giải pháp quy hoạch, cho thuê hoặc giao đất, cấp phép, chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê tài sản...hỗ trợ nhu cầu phát triển vùng nguyên liệu, bố trí cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm OCOP theo quy định của pháp luật hiện hành.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

Đơn vị thực hiện: Các sở ban ngành, UBND các cấp có thẩm quyền.

- Giải pháp về phát triển vùng nguyên liệu, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đối với sản phẩm OCOP. Các sở, ngành, địa phương xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển sản phẩm ngành nghề nông nghiệp nông thôn, lồng ghép phát triển vùng nguyên liệu sản phẩm OCOP theo các dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị của các chương trình mục tiêu, tạo điều kiện cho chủ thể OCOP tham gia chủ trì dự án phát triển sản xuất, ưu tiên hình thành các chuỗi liên kết bền vững tại địa phương.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

Đơn vị thực hiện: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, UBND các cấp.

5. Giải pháp về khoa học, công nghệ, sở hữu trí tuệ

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm đã được công nhận đạt 3 sao trở lên; tăng cường chuyển giao ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số[14], các trang thiết bị phục vụ kết nối thị trường, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Tăng cường hỗ trợ giải pháp về sở hữu trí tuệ[15] cho chủ thể OCOP, hỗ trợ đăng ký bảo hộ, tổ chức quản lý, khai thác hiệu quả chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu cá nhân, sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng mới, truy xuất nguồn gốc...đối với sản phẩm OCOP.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

Đơn vị thực hiện: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chuyên môn, UBND cấp huyện, cấp xã.

6. Giải pháp về xúc tiến thương mại

Các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch, đề án, dự án... hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP trước, trong và sau đánh giá; tăng cường hỗ trợ các chủ thể OCOP giới thiệu, cung cấp các sản phẩm của địa phương đến các trung tâm, điểm giới thiệu, hội nghị giao thương... sản phẩm OCOP trên địa bàn xã, huyện, tỉnh, ngoài tỉnh để trưng bày, bán và giới thiệu các sản phẩm, duy trì ổn định, liên tục các kênh tiêu thụ, giới thiệu sản phẩm OCOP.

---

[14] Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt kế hoạch triển khai chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Quảng Ngãi.

[15] Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 ban hành Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

7. Giải pháp về kiểm tra, thi đua, khen thưởng

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc sự phối hợp với các sở, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc, đảm bảo theo đúng kế hoạch, nhiệm vụ, chu trình OCOP thường niên.

- Thực hiện công tác kiểm tra, phát hiện, tham mưu xử lý, kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP đã được đánh giá công nhận, các sản phẩm giả mạo nhãn hiệu OCOP.

- Các địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt các nhiệm vụ của Đề án được xem xét, công nhận, khen thưởng theo quy định hiện hành.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Là cơ quan thường trực của Chương trình; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong việc tham mưu chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án với các nội dung sau:

- Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và triển khai Đề án, kế hoạc thực hiện Chương trình OCOP của tỉnh theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, trong đó ưu tiên phát triển các nhóm ngành hàng chủ lực, có lợi thế của mỗi địa phương và phát triển dịch vụ du lịch ở nông thôn.

- Bố trí các nguồn vốn, lồng ghép các nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để triển khai thực hiện. Huy động các nguồn lực tại địa phương (vốn tín dụng và các nguồn lực hợp pháp khác) để tổ chức triển khai thực hiện.

- Giao nhiệm vụ cho Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì tham mưu thực hiện Đề án, kế hoạch Chương trình OCOP của tỉnh. Thường xuyên tổ chức, kiểm tra giám sát, đánh giá kết quả triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về cơ quan thường trực Chương trình OCOP cấp Trung ương, UBND tỉnh, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh.

- Thành lập Hội đồng đánh giá, phân hạng cấp tỉnh để đánh giá, phân hạng, công nhận các sản phẩm đạt chuẩn 3 sao, 4 sao. Thông báo cho cấp huyện biết về kết quả đánh giá sản phẩm đạt chuẩn 3 sao, 4 sao và đề nghị Hội đồng đánh giá, phân hạng cấp Trung ương đánh giá, công nhận sản phẩm có tiềm năng đạt chuẩn 5 sao.

- Phối hợp với Sở Công Thương, các sở, ngành liên quan lồng ghép tổ chức hội chợ trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh; tổ chức tham gia các hội chợ OCOP ngoại tỉnh để quảng bá, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm OCOP.

2. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị phối hợp

a) Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ theo khả năng cân đối ngân sách để thực hiện Chương trình OCOP theo quy định.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn, địa phương, hướng dẫn đăng ký lồng ghép nguồn vốn đầu tư công, hỗ trợ các nội dung theo thẩm quyền đối với các hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia phát triển sản phẩm OCOP

- Hướng dẫn thực hiện thủ tục lập dự án đầu tư, đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, phát triển sản phẩm OCOP.

c) Sở Công Thương

- Xây dựng lồng ghép chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP trước và sau khi đánh giá; phối hợp với các sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ phát triển các kênh, hệ thống phân phối, bán lẻ sản phẩm OCOP tại các điểm giới thiệu, bán hàng, siêu thị,...; lồng ghép hỗ trợ chủ thể những nội dung trong chương trình khuyến công[16] của Tỉnh.

- Tham gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, đơn vị liên quan trong tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

d) Sở Khoa học và Công nghệ

- Hỗ trợ, hướng dẫn, tạo điều kiện cho các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP việc đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, mẫu mã bao bì, kiểu dáng công nghiệp sản phẩm; đăng ký mã số, mã vạch sản phẩm; hướng dẫn tiêu chuẩn hóa, đăng ký công bố chất lượng sản phẩm theo thẩm quyền; xử lý các hành vi vi phạm về sở hữu công nghiệp, ghi nhãn hàng hóa, sản phẩm theo thẩm quyền.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương hỗ trợ các tổ chức kinh tế đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển sản xuất sản phẩm thuộc Chương trình OCOP.

- Tổng hợp đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ hàng năm liên quan đến phát triển sản phẩm OCOP sử dụng lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt, triển khai thực hiện theo quy định[17].

---

[16] Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy chế quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công và quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

[17] Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

đ) Sở Y tế

- Hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể OCOP thực hiện các thủ tục, yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm, công bố chất lượng sản phẩm, đáp ứng các yêu cầu khác theo quy định về thuốc y học cổ truyền, dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm thuộc thẩm quyền Sở Y tế quản lý.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh.

e) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức kinh tế, cộng đồng nghiên cứu lồng ghép phát triển, quảng bá, kết nối các sản phẩm dịch vụ du lịch gắn với du lịch nông thôn, cộng đồng trên cơ sở phát huy thế mạnh về danh lam thắng cảnh, truyền thống văn hóa, ẩm thực, sản vật của các địa phương[18].

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

g) Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, địa phương có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ, lồng ghép các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển sản phẩm OCOP.

h) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện các chương trình đào tạo nghề theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của Đề án.

i) Ban Dân tộc tỉnh

Hỗ trợ, lồng ghép thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách cho các chủ thể tham gia phát triển sản phẩm OCOP thuộc đối tượng của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[19].

k) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, địa phương hỗ trợ các chủ thể áp dụng các quy định về bảo vệ môi trường phù hợp với Bộ tiêu chí OCOP.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

---

[18]Nghị quyết số 05/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Ngãi ngày 02/1/2021 về đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Quảng Ngãi.

[19] Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

l) Đài phát thanh và Truyền hình, Báo Quảng Ngãi, trang thông tin điện tử của UBND các cấp

- Tổ chức đăng tải thông tin tuyên truyền về nội dung, mục đích, ý nghĩa của Chương trình OCOP, phản ánh kịp thời những cách làm hay, những sản phẩm được thị trường ưa chuộng.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức đưa tin, bài về các hoạt động, quá trình, kết quả thực hiện Đề án; hỗ trợ chủ thể quảng bá sản phẩm OCOP.

m) Liên minh hợp tác xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

Hỗ trợ các nội dung phát triển sản phẩm OCOP theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tăng cường tuyên truyền, vận động hợp tác xã, các hội viên tích cực tham gia phát triển sản phẩm OCOP; kịp thời thông tin đến cơ quan chức năng những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về sản xuất sản phẩm không an toàn để xử lý theo quy định của pháp luật.

n) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng chính sách, các quỹ tín dụng nhân dân

Tích cực trong hỗ trợ chủ thể OCOP tiếp cận nguồn vốn vay theo chính sách, quy định tín dụng đối với sản xuất nông nghiệp hiện hành[20]; xây dựng chương trình tín dụng hỗ trợ phát triển sản xuất và mở rộng đối tượng cho vay, tạo điều kiện thuận lợi để các chủ thể tham gia chương trình được vay vốn đầu tư, gia tăng năng lực sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Là cơ quan đóng vai trò quan trọng trong triển khai Chương trình OCOP với những nhiệm vụ chính sau:

- Tổng hợp ý tưởng/sản phẩm của các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) để xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển.

- Xây dựng và phê duyệt Đề án, kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP cấp huyện để hỗ trợ phát triển các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế của địa phương.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền nâng cao nhận thức về Chương trình OCOP trên phạm vi huyện.

- Hướng dẫn các chủ thể tiếp cận các chính sách hỗ trợ của nhà nước, đặc biệt là các chính sách: Tín dụng, khoa học công nghệ, liên kết chuỗi giá trị, đào tạo nghề, xúc tiến thương mại...

---

[20] Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

- Chủ trì, phối hợp với các tổ chức/chuyên gia tư vấn để hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ trực tiếp tại thực địa đối với các chủ thể để triển khai phương án kinh doanh. Triển khai chương trình đào tạo nghề nông thôn gắn với phát triển sản phẩm OCOP.

- Kiện toàn/thành lập Hội đồng đánh giá và quy chế hoạt động của Hội đồng đánh giá, phân hạng cấp huyện để đánh giá sản phẩm OCOP cấp huyện. Thông báo kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm của Hội đồng cấp huyện cho UBND cấp xã. Hoàn thiện và chuyển hồ sơ, mẫu sản phẩm đối với những sản phẩm đạt từ 50 điểm trở lên để đề nghị Hội đồng cấp tỉnh đánh giá, phân hạng.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu cho sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện. Hỗ trợ các chủ thể OCOP tham gia xúc tiến thương mại cấp tỉnh, Trung ương.

4. UBND các xã, phường, thị trấn

Là cơ quan đóng vai trò trực tiếp triển khai Chương trình OCOP với những nhiệm vụ chính sau:

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng, người dân trên địa bàn xã về Chương trình OCOP.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý OCOP cấp huyện, tổ chức/chuyên gia tư vấn OCOP rà soát các sản phẩm tiềm năng và hướng dẫn các chủ thể đăng ký tham gia Chương trình OCOP.

- Phối hợp với cơ quan quản lý OCOP cấp huyện, tổ chức/chuyên gia tư vấn OCOP để hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể xây dựng phương án kinh doanh.

- Hỗ trợ các chủ thể sản phẩm đẩy nhanh tiến độ triển khai các phương án kinh doanh, hoàn thiện sản phẩm OCOP và tổ chức đào tạo nghề, nâng cao năng lực tay nghề lao động nông thôn.

- Xác định về tỷ lệ lao động, nguyên liệu địa phương, đề xuất cấp huyện tổ chức Hội đồng đánh giá, phân hạng các sản phẩm.

- Tiếp nhận thông báo về kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP của cấp huyện; trao đổi với các chủ thể về kết quả và xây dựng kế hoạch hỗ trợ tiếp theo (nếu cần thiết).

5. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất kinh doanh (gọi chung là chủ thể sản xuất)

- Chủ động xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh phát triển sản phẩm, đẩy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, áp dụng quy trình sản xuất, quản lý chất lượng tiên tiến theo hướng Organic, GlobalGAP, GMP, VietGap, ISO.

- Duy trì, tiêu chuẩn hóa, nâng hạng sản phẩm OCOP, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm, sử dụng nhãn mác, logo,

biểu trưng OCOP theo quy định; Khuyến khích, ưu tiên sử dụng nguồn nguyên liệu và lao động tại địa phương, tạo việc làm, thu hút lao động, thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho lao động nông thôn, góp phần nâng cao đời sống.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để rà soát và tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện kịp thời./.

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO ĐỀ ÁN

Stt	Tên phụ lục
Phụ lục 1	Danh mục phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2021 - 2025
Phụ lục 2	Mô hình thí điểm xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu địa phương theo hướng kinh tế tuần hoàn và nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 -2025
Phụ lục 3	Mô hình nâng cao năng lực sơ chế và chế biến quy mô vừa và nhỏ
Phụ lục 4	Mô hình thí điểm sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch cộng đồng.
Phụ lục 5	Kinh phí thực hiện Đề án

Phụ lục 1. Danh mục phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2021 - 2025

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
Tổng số lượng sản phẩm		**434**		
Nhóm 1	**Thực phẩm**	**338**		
1	Thỏ dược liệu	1	HTX NNDV Sơn Tây	Xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây
2	Chuối sấy dẻo	1		
3	Cá tầm sơ chế	1		
4	Các sản phẩm từ măng vót: Măng vót dầm tỏi ớt, măng vót sấy khô, măng vót muối chua, măng vót tươi	4	HTX NNDV Sơn Liên	Xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây
5	Sầu riêng	1	HTX NNDV Sơn Long	Xã Sơn Long, huyện Sơn Tây
		1	HTX NN Hành Nhân	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành
		1	HTX NN Hành Thiện	xã Hành Thiện huyện Nghĩa Hành
6	Măng cầu	1	HTX NNDV Sơn Long	Xã Sơn Long, huyện Sơn Tây
		1	HTX NNDV Sơn Tân	xã Sơn Tân huyện Sơn Tây
7	Ổi tươi	1	HTX NNDV Sơn Long	Xã Sơn Long, huyện Sơn Tây
		1	HSX Nguyễn Tấn Hòa	Xã Hành Thịnh, Nghĩa Hành
		1	HTX NN Bình Hòa	Xã Bình Hòa, huyện Bình Sơn
8	Bưởi da xanh	1	HTX NNDV Sơn Long	Xã Sơn Long, huyện Sơn Tây.
		1	HTX NN Hành Nhân	Xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành
		1	Nhóm hộ xã Bình	Xã Bình Hiệp,

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
			Hiệp	huyện Bình Sơn
		1	HSX Phan Xuân Tâm	Xã Bình Khương, huyện Bình Sơn
		1	HTXNN Long Phú	Xã Hành Minh, Nghĩa Hành
		1	HTX NN Hành Thiện	Xã Hành Thiện huyện Nghĩa Hành
9	Cau sấy khô	1	HSX Ánh Tắng	Xã Sơn mùa, huyện Sơn Tây
		1	HTSX Thanh Tùng	xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây
10	Chanh giấy hữu cơ	1	HSX Nguyễn Thị Thanh	Xã Sơn Màu, huyện Sơn Tây
12	Gà kiến	1	HTX NN Sơn Thành	Xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà
		1	HTX NN Sơn Hạ	xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà.
		1	nhóm hộ nuôi gà xã Thanh An	Xã Thanh An, huyện Minh Long
		1	HTX DVNN Tịnh Bình	Xã Tịnh Bình, Sơn Tịnh.
		1	HTX DV NN Tịnh Phong	xã Tịnh Phong, Sơn Tịnh.
		1	HSX KD Nguyễn Quốc Nhật	Xã Tịnh Thiện, TP Quảng Ngãi
		1	CSSX Trần Ngọc Hồng	Xã Hành Tín Tây, Nghĩa Hành
		1	HSX nguyễn Văn Đức	Xã Hành Thịnh, Nghĩa Hành
		1	THT Nuôi gà thôn Tân Định	Xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức
		1	HTX NN Bình Chương	Xã Bình Chương, huyện Bình Sơn
		1	HTX NN Bình Tân	Xã Bình Tân, huyện Bình Sơn
		1	HTX NN Bình Thanh Tây	Xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn
		1	THT thôn Tân Định	Xã Đức Thắng, Mộ Đức

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
14	Chùm ngây sấy lạnh, trà chùm ngây	2	HTX NN Sạch Sơn Hà	Xã Sơn Thượng, Sơn Hà
15	Chả cá thác lác	1	HTX NLN Sơn Giang, HTX NN Sơn Bao	Xã Sơn Giang, huyện Sơn Hà
		1	HTX NN Sơn Bao	Xã Sơn Ba, huyện Sơn Hà
16	Nấm bào ngư	1	HSX Lê Trường Hận	Thôn Làng Nà, xã Sơn Trung huyện Sơn Hà
17	Nấm sò	1	HTX NN Sơn Linh	xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà
		1	Công ty TNHH Công nghệ Khánh Hoàng	Xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa
		1	Công ty TNHH MTV Huy Gia Minh	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa
18	Cá chình sơ chế	1	HTX cá nước ngọt Sơn Nham	xã Sơn Nham, huyện Sơn Hà
19	Bò khô	1	HSX Nguyễn Thị Nghĩa Ân	TT Di Lăng, huyện Sơn Hà
20	Chà bông heo	1	HSX Nguyễn Thị Nghĩa Ân	TT Di Lăng, huyện Sơn Hà
21	Thịt heo muối	1	CSSX Trần Bình Trọng	TT Di Lăng, huyện Sơn Hà
22	Dầu lạc	1	HTX NN Sơn Ba	Xã Sơn Ba, huyện Sơn Hà
		1	HTX DVNN -Nông thôn Tịnh Trà	Xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh
		1	HTX DVNN Tịnh Thọ	Xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh
		1	HTX DVNN Đức Vĩnh	Xã Đức Phú, huyện Mộ Đức
		1	HTX SXKD rau củ quả an toàn Đức Thắng	Xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức
		1	HTX DVNN Đức Minh	Xã Đức Minh, huyện Mộ Đức

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
		1	HTX NN Phổ An	Xã Phổ An, thị xã Đức Phổ
		1	HTX SXKD hàng nông sản Bốn Vân	Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ
		1	HTX NN Phổ Nhơn	Xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ
		1	HSX Nguyễn Văn Xanh	Xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ
		1	HTX NN Bình Chương	Xã Bình Chương, huyện Bình Sơn
		1	HTX NN Bình Hòa	Xã Bình Hòa, huyện Bình Sơn
		1	HTX NN Bình Hải	Xã Bình Hải, huyện Bình Sơn
		1	HTX NN Hành Tín Tây	Xã Hành Tín Tây, Nghĩa Hành
		1	HTX NN Hành Phước	Xã Hành Phước, Nghĩa Hành
		1	CSSX Nguyễn Văn Dương	Xã Hành Minh, Nghĩa Hành
		1	HTX NN Long Phú	Xã Hành Minh, Nghĩa Hành
		1	Nhóm HSX xã Tịnh An	Xã Tịnh An, TP Quảng Ngãi
		1	CSSX Nguyễn Quang Lục	Xã Tịnh Hòa, TP Quảng Ngãi
		1	Công ty CP VIPAS	Thôn Tây An Vĩnh, Lý Sơn
23	Thịt dê cỏ	1	HSX Đinh Văn Hiệp	Xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà
		1	HSX Nguyễn Duy Linh	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức
		1	HTX NN Sạch Sơn Hà	Xã Sơn Thượng, Sơn Hà
		1	HSX Lê Thị Sa Lem	Xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức
24	Thịt heo Ky	1	Nguyễn Hồng Lợi	xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà
		1	HTX NN Sạch Sơn Hà	Xã Sơn Thượng, Sơn Hà

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
		1	HSX Trần Văn Chung	Xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà
		1	HTX NLN Đoàn Kết	Xã Long Mai, huyện Minh Long
		1	HTX DV NLN Thành Tiến	Xã Long Hiệp, huyện Minh Long
		1	HSX Trụ Văn Hải	Xã Bình An, huyện Bình Sơn
		1	HTX NLN&DV Ba Cung	Xã Ba Cung, huyện Ba Tơ
25	Bột gừng gió	1	HTX NN Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy, Sơn Hà
26	Chuối hột rừng sấy khô	1		
27	Chè tươi	1	HTX DV NLN Thành Tiến	Xã Long Hiệp, huyện Minh Long
28	Nhung Hươu	1	Nhóm hộ nuôi hươu lấy nhung	Xã Long Môn, huyện Minh Long
29	Thịt heo thảo dược	1	HTX Trường An	Xã Ba Động, Ba Tơ
30	Tinh dầu Sachainchi	1		
31	Thịt gà H're	1	HTX NLN&DV Ba Cung	Xã Ba Cung, huyện Ba Tơ
		1	Công ty TNHH Nam Thuận	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức
		1	HTX NLN DV Ba Tiêu	Xã Ba Tiêu, huyện Ba Tơ
		1	HSX xã Hành Dũng	Xã Hành Dũng, huyện Nghĩa hành
32	Thịt vịt xiêm sạch	1	Nhóm HSX xã Ba Giang	Xã Ba Giang, huyện Ba Tơ
33	Cơm cháy Như Ý	1	CSSX Nguyễn Phú Kinh	Xã Bình Chương, huyện Bình Sơn
34	Thịt trâu	1	HTX NLN và DVVH Làng Teng	Xã Ba Thành, huyện Ba Tơ

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
		1	HTX NLN DV Ba Tiêu	Xã Ba Tiêu, huyện Ba Tơ
		1	Nhóm HSX Nghĩa Điền	Xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa
35	Gạo lúa rẫy	3	Nhóm HSX	Xã Ba Tô, xã Ba Nam, xã Ba Lế, huyện Ba Tơ
		1	HSX Cường Thịnh	Xã Trà Phú, huyện Trà Bồng
36	Trái cam núi, trái quýt núi	2	Nhóm HSX	Xã Ba Vinh, xã Ba Giang, xã Ba Thành, xã Ba Điền huyện Ba Tơ
37	Dế thịt sơ chế	1	HTX DVNN Tịnh Đông	Xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh
		1	HSX Phạm Thanh Nam	Xã Bình Phú, huyện Bình Sơn
38	Tiêu hạt	1	HTX DVNN Tịnh Đông	Xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh
		1	HTX chuyên canh mía và DVNN	Xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh
39	Thịt heo sạch	1	HTX DVNN Tịnh Đông	Xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh
		1	CSSX Nguyễn Văn Sáng	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa
		1	HSX Phan Ngọc Cẩn	Xã Hành Thịnh, Nghĩa Hành
		1	CSSX Lê Đình Huân	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức
	Thịt bò	1	Nhóm HSX	Xã Tịnh Bình, Sơn Tịnh.
		1	HTX NN Bình Chương	Xã Bình Chương, huyện Bình Sơn
		1	HTX NN Bình Hòa	Xã Bình Hòa, huyện Bình Sơn
		1	HTX NN Vạn Tường	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
		1	CS giết mổ Ngô Hữu Vy	xã Hành Thiện huyện Nghĩa Hành
		1	Hộ chăn nuôi	Xã Phổ Vinh, thị xã Đức Phổ
40	Mít sấy	1	HTX NN Hành Tín Đông	Xã Hành Tín Đông, Nghĩa Hành
41	Bắp rang đóng gói	1	HTX NN Hành Tín Đông	Xã Hành Tín Đông, Nghĩa Hành
42	Tinh bột nghệ	1	HTX NN Hành Tín Đông	Xã Hành Tín Đông, Nghĩa Hành
		1	HTX SXKD hàng nông sản Bốn Vân	Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ
43	Dầu mè	1	HTX SXKD hàng nông sản Bốn Vân	Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ
		1	HTX NN Đức Vĩnh	Xã Đức Phú, huyện Mộ Đức
44	Chả heo	1	HTX chuyên canh mía và DVNN	Xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh
		1	CSSX Bùi Tấn Hùng	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức
		1	Nguyễn Mệnh	Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức
		1	CSSX Phạm Thị Thảo	Xã Đức Minh, huyện Mộ Đức
		1	CSSX Nguyễn Thị Thảo	Xã Đức Lân, huyện Mộ Đức
		1	CSSX Mỹ Lệ	Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ
		1	HSX Cô Đính	Xã Nghĩa Phương, huyện Mộ Đức
		1	CSSX nem chả Thúy Tân	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
		1	CSSX Nguyễn Văn Sáng	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa
		1	HSX Võ Thanh Hùng	Xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn
		1	CSSX nem chả Ngọc Lan	Xã Nghĩa Dũng, TP Quảng Ngãi
		1	CSSX Lê Vinh	Xã Nghĩa Dũng, TP Quảng Ngãi
		1	CSSX Hồ Thị Thu	Xã Đức Phong, huyện Mộ Đức
45	Chả bò	1	CSSX Bùi Tấn Hùng	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức
		1	Nguyễn Mệnh	Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức
		1	CSSX Phạm Thị Thảo	Xã Đức Minh, huyện Mộ Đức
		1	CSSX Nguyễn Thị Thảo	Xã Đức Lân, huyện Mộ Đức
		1	CSSX nem chả Thúy Tân	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa
		1	CSSX Nguyễn Văn Sáng	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa
		1	CSCB Cao Thị Huỳnh Nhi	xã Hành Thiện huyện Nghĩa Hành
		1	CSCB Huỳnh Thị Yến Nhi	xã Hành Thiện huyện Nghĩa Hành
		1	CSSX Lê Vinh	Xã Nghĩa Dũng, TP Quảng Ngãi
		1	CSSX Hồ Thị Thu	Xã Đức Phong, huyện Mộ Đức
46	Nem	1	CSSX Bùi Tấn Hùng	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức
		1	CSSX Phạm Thị Thảo	Xã Đức Minh, huyện Mộ Đức

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
		1	CSSX Nguyễn Thị Thảo	Xã Đức Lân, huyện Mộ Đức
		1	CSSX Mỹ Lệ	Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ
		1	CSSX nem chả Ngọc Lan	Xã Nghĩa Dũng, TP Quảng Ngãi
		1	CSSX Hồ Thị Thu	Xã Đức Phong, huyện Mộ Đức
47	Chả gân bò	1	CSCB Võ Thị Kim Yến	xã Hành Thiện huyện Nghĩa Hành
		1	CSCB Ngô Thị Kim Loan	xã Hành Thiện huyện Nghĩa Hành
48	Cá lồng bè	1	Nhóm HSX xã Tịnh Sơn	Xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh
		1	HSX Anh Thiện	Thôn Tây An Vĩnh, Lý Sơn
49	Bánh tráng	1	Nhóm HCB bánh tráng	Xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh
		1	CSSX Nguyễn Văn Nhị	Xã Đức Tân, huyện Mộ Đức
		1	CSSX Lê Thái Cường	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức
		1	CSSX Phạm Sang	Xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức
		1	CSSX Nguyễn Văn Sáu	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức
		1	CSSX Nguyễn Thị Hà	Xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành
		1	CSSC Võ Bảo	
		1	HSX Võ Minh Công	Xã Bình An, huyện Bình Sơn
		1	CSSX Nguyễn Quang	Xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành
50	Khoai lang sơ chế	1	HTX DVNN Tịnh Thọ	Xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh
51	Măng tây tươi sơ chế	1	HTX chăn nuôi thỏ Quảng Ngãi	Xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
		1	HSX Phạm Số	Xã Bình Trung, huyện Bình Sơn
52	Măng tây sấy khô Cường thỏ đế	1	HTX chăn nuôi thỏ Quảng Ngãi	Xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh
53	Thỏ thịt sơ chế Bách Thảo	1		
54	Bánh đậu xanh	1	Hộ sản xuất	Xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh
		1	CSSX Trần Đức Tuấn	Xã Hành Thịnh, Nghĩa Hành
55	Trứng gà	1	HSX Lê Vũ Hoàng Long	Xã Đức Lân, huyện Mộ Đức
		1	Đỗ Quý Nam	Xã Đức Tân, huyện Mộ Đức
56	Trứng chim trĩ	1	HTX Thanh niên TT Mộ Đức	TT Mộ Đức, huyện Mộ Đức
57	Thịt chim trĩ	1		
58	Bánh mè mặn, bánh mè ngọt	2	HSX Cô Mận	Xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức
		2	CSSX Phạm Thị Hằng	Xã Đức Lân, huyện Mộ Đức
59	Nước mắm cá cơm	1	HTX Nước mắm Đức Lợi	Xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức
		1	CSCB Phạm Thị Thụy Uyên	Xã Bình Phước, huyện Bình Sơn
		1	CSCB Tiêu Huệ	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn
		1	HTX NN Bình Hải	Xã Bình Hải, huyện Bình Sơn
		1	HCB nước mắm Nghĩa An	Xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi
		1	CSSX nước mắm Dung Đông	
		1	CSSX Võ Thị Tâm	Xã Tịnh Kỳ, TP Quảng Ngãi
		1	CSSX Trần Ngô Em	
		1	CSSX nước mắm Bốn Huệ	Xã Phổ Thạnh, TX Đức Phổ
		1	Homestay Bích Phượng	Thôn Tây An Hải, Lý Sơn

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
		1	HTX Đầu tư phát triển NN và TMDV Lý Sơn	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		1	THT SXKD nước mắm cá cơm và hải sản khô	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		1	CSSX Bùi Quang Vinh	Thôn An Hải, Lý Sơn
		1	HTX TMDV Lý Sơn Xanh	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
60	Ớt xiêm rừng sơ chế	1	HTX NN Sạch Sơn Hà	Xã Sơn Thượng, Sơn Hà
61	Giấm gạo Chung Nhị	1		
62	Tương ớt	1	CSSX Cao Thị Huệ	Xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức
63	Rau củ quả an toàn	1	HTX rau truyền thống An Mô	Xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức
		1	HTX SXKD rau củ quả an toàn Đức Thắng	Xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức
		1	Trần Văn Hùng	Phường Phổ Văn, TX Đức Phổ
		1	HTX SXKD DVNN Tịnh Long	Xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi
		1	THT SXKD Nông sản ATTP AN Hải	Thôn An Hải, Lý Sơn
		1	HTX rau củ quả an toàn Đức Thạnh	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức
64	Ớt sấy cao sản Chỉ Thiên	1	THT trồng ớt chỉ thiên cao sản	Xã Đức Minh, huyện Mộ Đức
65	Hạt đậu nành	1	HTX DVNN Đức Hiệp	Xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức
66	Mạch nha	1	CSSX Trương Thị Thảo	Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức
		1	CSCB Thanh Thúy	TT Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành
		1	CSCB Hồng Diệp	

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
		1	CSSX Mai Thị Bưởi	Xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành
67	Bánh bó	1	CSSX Võ Thị Thanh Thúy	Xã Đức Minh, huyện Mộ Đức
68	Bánh nếp ngự, cốm nếp ngự, kẹo nếp ngự	3	HTX NN Phổ Châu	Xã Phổ Châu, TX Đức Phổ
69	Mắm nhum Sa Huỳnh	1		
70	Bánh thuẩn	1	CSSX Trần Thị Lợi	Xã Phổ Thuận, TX Đức Phổ
		1	CSCB Phạm Thị Vân	Xã Bình Phước, huyện Bình Sơn
71	Muối	1	HTX SXKD Muối 1 Sa Huỳnh	Xã Phổ Thạnh, TX Đức Phổ
		1	HTX SXKD Muối 2 Sa Huỳnh	
72	Tinh bột gừng	1	HTX SXKD hàng nông sản Bốn Vân	Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ
73	Tinh bột mình tinh	1		
74	Chuối già Nam Mỹ	1	Công ty cổ phần 24/3	Xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ
75	Hủ tiếu sợi khô	1	Võ Minh Khải	Phường Phổ Hòa, TX Đức Phổ
76	Bún tươi	1	CSSX Huỳnh Hùng	Xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa
		1	CSSX Huỳnh Tấn Nam	
77	Bún khô	1	CSSX Huỳnh Tấn Nam	
		1	CSSX Huỳnh Hoa	
78	Nếp cút	1	HTX NN An Hội Bắc	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa
79	Rau Salad	1	HTX Rau Mầm Việt	Xã Nghĩa Hòa
80	Dưa leo	1		
81	Ớt tươi	1	HTX NN Vạn An	Xã Nghĩa Phương, huyện

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
				Mộ Đức
		1	HSX Chế Kiều	TT Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa
		1	HTX NN Bình Chương	Xã Bình Chương, huyện Bình Sơn
		1	HTX NN Bình Dương	Xã Bình Dương, huyện Bình Sơn
		1	HTX NN Bình Thanh Tây	Xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn
82	Nấm dược liệu	1	Công ty TNHH Công nghệ Khánh Hoàng	Xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa
		1	Công ty TNHH MTV Huy Gia Minh	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa
83	Tổ yến thô	1	Công ty TNHH Lồng Vàng	Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa
		1	CS Nuôi yến Ghi Ta	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa
		1	HSX Nguyễn Văn Quý	Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa
84	Đường phèn	1	CSSX Phạm Đăng Kháng	Xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa
		1	CSSX Huỳnh Ngọc Minh Hiếu	Xã Nghĩa Dũng, TP Quảng Ngãi
85	Tôm thẻ chân trắng sơ chế	1	THT nuôi tôm thẻ chân trắng	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa
86	Bắp ngọt	1	HTX NN Bình Chương	Xã Bình Chương, huyện Bình Sơn
87	Bí đao xanh	1	HTX NN Bình Chương	Xã Bình Chương, huyện Bình Sơn
88	Chanh thơm	1	HSX Phạm Thi Vân	Xã Bình Phước, huyện Bình Sơn
		1	HTX NN Hành Dũng	Xã Hành Dũng, huyện Nghĩa hành

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
		1	HSX Nguyễn Tịnh	Xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn
89	Măng tươi	1	HTX DVNN Xã Bình Minh	Xã Bình Minh, huyện Bình Sơn
		1	HSX Cao Văn Trọng	Xã Hành Tín Đông, Nghĩa Hành
90	Măng khô	1	HTX DVNN Xã Bình Minh	Xã Bình Minh, huyện Bình Sơn
91	Kiệu sơ chế	1	HTX NN Bình Long	Xã Bình Long, huyện Bình Sơn
92	Gạo thơm	1	HTX NN Bình Chương	Xã Bình Chương, huyện Bình Sơn
		1	HTX NN Bình Thanh	Xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn
93	Dưa hấu	1	HTX NN Bình Thanh	Xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn
94	Chuối	1	HTX NN Vạn Tường	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn
		1	HTX NN Long Phú	Xã Hành Minh, Nghĩa Hành
95	Mít thái	1	HSX Phan Xuân Tâm	Xã Bình Khương, huyện Bình Sơn
		1	HSX Phạm Đức Dục	Xã Bình Khương, huyện Bình Sơn
		1	HSX Trương Quang Dương	Xã Bình Minh, huyện Bình Sơn
		1	HSX nguyễn Hồng	Xã Bình Minh, huyện Bình Sơn
96	Bánh quy tảo xoắn	1	HTX NN Vạn Tường	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn
97	Bánh nổ	1	HSX Võ Thanh Bàn	Xã Bình Trung, huyện Bình Sơn
98	Bơ booth	1	HSX Phan Xuân Tâm	Xã Bình Khương, huyện Bình Sơn
99	Bánh ít	1	HSX Trần Thị Thiên	Xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
		1	CSSX bánh ít lá gai cô Phượng	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
100	Mì sợi	1	CSSX Cao Văn Tam	Xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn
101	Tai heo chua ngọt	1	CSCB Phạm Thị Thụy Uyên	Xã Bình Phước, huyện Bình Sơn
102	Nén tươi, bột nén, củ nén dạng sa tế	3	HTX DVNN Bình Phú	Xã Bình Phú, huyện Bình Sơn
103	Hạt sen tươi	1	HSX Nguyễn Lào	Xã Hành Phước, Nghĩa Hành
		1	HTX NN Hành Thịnh 1	Xã Hành Thịnh, Nghĩa Hành
104	Chôm chôm	1	HTX NN Hành Thiện	xã Hành Thiện huyện Nghĩa Hành
105	Bánh rế	1	CSSX Nguyễn Việt	xã Hành Thiện huyện Nghĩa Hành
106	Cơm cháy cá bống Sông Trà	1	Cơ sở phát sáng 4M	Xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành
107	Nấm rơm	1	HSX Nguyễn Ngọc Phượng	Xã Hành Thịnh, Nghĩa Hành
108	Gừng gió	1	HSX Hồ Văn Như	Xã Trà Phong, huyện Trà Bồng
109	Chè bẻ cành	1	HTX DV NLN Cà Đam Xanh	Xã Hương Trà, huyện Trà Bồng
110	Bột quế	1	Công ty TNHH hương quế Trà Bồng	TT Trà Xuân, huyện Trà Bồng
111	Mè đen	1	HTX Trà Thanh	Xã Trà Thanh, huyện Trà Bồng
112	Đậu xanh, đậu đen, đậu đỏ	3	HTX Trà Thanh	Xã Trà Thanh, huyện Trà Bồng
		3	HSX Cường Thịnh	Xã Trà Phú, huyện Trà Bồng
113	Đường phổi	1	CSSX Phạm Đăng Kháng	Xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa
114	Bí đao sấy	1	HTX NNDV Nghĩa Hà	Xã Nghĩa Hà, TP Quảng Ngãi

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
115	Dừa dòn	1	CSSX Thanh Thảo	Phường Quảng Phú, TP Quảng Ngãi
116	Chế biến rau diếp cá	1	HTX DVNN Tịnh Châu	Xã Tịnh Châu, TP Quảng Ngãi
117	Dừa xiêm lùn da xanh	1	HTX KD và DVNN Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi
118	Cá bống Sông Trà	1	HSX KD Phi Yến	Xã Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi
		1	HKD Trần Văn Dũng	P. Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi
		1	HKD Trần Thị Tuyết Nhung	
119	Tàu hủ	1	HSX KD Cô Vang	P. Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi
120	Chả cá đỏ củ	1	Lê Văn Thương	Xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi
		1	Chả cá Võ Thị Giàu	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		1	CSSX Chú Khuân	
		1	HTX TMDV Lý Sơn Xanh	
		1	Công ty TNHH MTV KITA	Xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi
121	Cá khô	1	CSSX Phạm Văn Nở	Xã Tịnh Kỳ, TP Quảng Ngãi
		1	HSX Xã Tịnh Kỳ	
		1	THT SXKD Nước mắm cá cơm và hải sản khô	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
121	Chả mực	1	Công ty TNHH MTV KITA	Xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi
122	Mực tẩm	1	CSSX mực tẩm Hùng Loan	Xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn
123	Hành, tỏi	2	Homestay Bích Phượng	Thôn Tây Ấn Hải, Lý Sơn
		2	HTX Đầu tư phát triển NN và TMDV Lý Sơn	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
		2	Công ty CP VIPAS	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		2	HTX NN sinh thái Lý Sơn	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		2	CSSX Phạm Khương Sinh	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		2	HTX NN Lý Sơn	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		2	HSX Ngô Thị Việt	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		2	CSSX kinh doanh hành tỏi Thanh Thúy	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		1	Công ty TNHH VOLCANO	Thôn Tây An Vĩnh, Lý Sơn
		2	CSSX KD Dương Quận	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
124	Rong sấy lạnh	1	Công ty CP VIPAS	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		1	Công ty TNHH VOLCANO	Thôn Tây An Vĩnh, Lý Sơn
125	Rong biển tươi, rong biển khô	2	HSX Ngô Thị Việt	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
126	Tỏi đen	1	Homestay Bích Phượng	Thôn Tây An Hải, Lý Sơn
		1	HTX Đầu tư phát triển NN và TMDV Lý Sơn	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		1	HTX NN sinh thái Lý Sơn	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		1	Công ty TNHH VOLCANO	Thôn Tây An Vĩnh, Lý Sơn
127	Tỏi bóc vỏ, bột tỏi	2	HTX NN sinh thái Lý Sơn	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
128	Mật ong tỏi đen	1	Công ty CP VIPAS	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		1	Công ty TNHH VOLCANO	Thôn Tây An Vĩnh, Lý Sơn
129	Cua dẹp Lý Sơn sơ chế	1	HSX Nguyễn Văn Thành	Thôn Đông An Vĩnh, Lý Sơn

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
130	Ốc cừ sơ chế, nhum sọ sơ chế	2	HSX Phạm Văn Tuấn	Thôn Đông An Vĩnh, Lý Sơn
131	Thanh gạo lức Đông trùng hạ thảo	1	Công ty TNHH MTV Nấm dược liệu Ninh Trương	xã Tịnh Phong, Sơn Tịnh.
Nhóm 2	**Đồ uống**	**28**		
132	Nước ổi đóng lon, chai	1	HTX NNDV Sơn Liên	Xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây
133	Rượu cần	1	CSSX Lê Thị Hoa	Xã Sơn Ba, huyện Sơn Hà
		1	Cửa hàng GREEN	138 Phạm Văn Đồng, huyện Ba Tơ
134	Rượu gạo men lá	1	CSSX Lê Thị Hoa	Xã Sơn Ba, huyện Sơn Hà
		1	HKD Đinh Thị Biên	Xã Sơn Ba, huyện Sơn Hà
135	Rượu Mai Giang	1	HTX NN Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy, Sơn Hà
136	Mật ong rừng	1	HTX NLN và DV Ba Điền	Xã Ba Điền, huyện Ba Tơ
137	Rượu sim Bùi Hui	1	HSX xã Ba Trang	Xã Ba Trang, huyện Ba Tơ
138	Rượu đông trùng Hạ thảo SONITA	1	Công ty TNHH MTV Nấm dược liệu Ninh Trương	xã Tịnh Phong, Sơn Tịnh.
139	Rượu gạo lức	1		
140	Trà linh chi hạt sen	1	HTX SXKD nấm Đức Nhuận	Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức
141	Rượu dâu tằm	1	CSSX Quang Điền	Xã Đức Lân, huyện Mộ Đức
142	Rượu Atiso	1	CSSX Quang Điền	Xã Đức Lân, huyện Mộ Đức
143	Rượu đinh lăng	1	CSSX Trần Đức Nở	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức
144	Rượu nếp ngự Sa Huỳnh	1	HTX NN Phổ Châu	Xã Phổ Châu, TX Đức Phổ
145	Sữa nếp ngự	1		
146	Nước tinh khiết	1	HTX NNDV Phổ	Xã Phổ Quang,

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
	đóng chai		Quang	TX Đức Phổ
		1	HTX NNDV Phước Tín	Xã Hành Tín Đông, Nghĩa Hành
		1	HTX NN Vạn Tường	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn
147	Rượu nếp	1	HSX Phạm Thị Vân	Xã Bình Phước, huyện Bình Sơn
148	Rượu quế	1	Công ty TNHH hương quế Trà Bồng	TT Trà Xuân, huyện Trà Bồng
149	Trà quế	1		
150	Siro quế	1		
151	Rượu tỏi đen	1	Homestay Bích Phượng	Thôn Tây An Hải, Lý Sơn
		1	HTX Đầu tư phát triển NN và TMDV Lý Sơn	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		1	HTX NN sinh thái Lý Sơn	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		1	Công ty TNHH VOLCANO	Thôn Tây An Vĩnh, Lý Sơn
152	Đông trùng hạ thảo ngâm mật ong	1	Công ty TNHH MTV Nấm dược liệu Ninh Trương	xã Tịnh Phong, Sơn Tịnh.
Nhóm 3	**Thảo dược**	**9**		
153	Cây khôi nhung (trà)	1	HTX NNDV Sơn Tây	Xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây
154	Đương quy nhật khô	1	HTX NNDV Sơn Long	Xã Sơn Long, huyện Sơn tây
155	Nấm linh chi	1	HTX NN Sơn Linh	xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà
156	Đông trùng hạ thảo nguyên con, Nấm đông trùng hạ thảo tươi SONITA, Nấm đông trùng hạ thảo khô SONITA	3	Công ty TNHH MTV Nấm dược liệu Ninh Trương	xã Tịnh Phong, Sơn Tịnh.
157	Tinh dầu bơ	1	HSX Võ Thùy Lan	Xã Tịnh Bắc,

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
			Viên	huyện Sơn Tịnh
158	Dầu tràm	1	HTX phát triển lâm nghiệp bền vững Đức Lân	Xã Đức Lân, huyện Mộ Đức
159	Tảo xoắn viên nhộng	1	HTX NN Vạn Tường	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn
Nhóm 4	**Vải và may mặc**	**2**		
160	Thổ cẩm Làng Teng	1	HTX NLN và DV văn hóa Làng Teng	Xã ba Thành, huyện Ba Tơ
161	Tơ tằm Đức Hiệp	1	HTX DVNN Đức Hiệp	Xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức
Nhóm 5	**Thủ công mỹ nghệ, trang trí**	**31**		
162	Chổi đót	1	HSX thôn Minh Xuân	Xã Long Mai, huyện Minh Long
		1	HTX NN Hành Thuận	Xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành
		1	HSX Hồ Thị Hồng Thanh	Xã Trà Phong, huyện Trà Bồng
		1	HTX NN xã Phổ Phong	Xã Phổ Phong, TX Đức Phổ
163	Sản phẩm mây thô	1	HTX NN Long Môn	Xã Long Môn, huyện Minh Long
		1	Nhóm hộ SX xã Ba Điền	Xã Ba Điền, huyện Ba Tơ
		1	Nhóm hộ SX xã Ba Vinh	Xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ
164	Thủ công mỹ nghệ mây, tre đan	2	HTX NLN và DV văn hóa Làng Teng	Xã ba Thành, huyện Ba Tơ
		1	HSX Hồ Thị Hồng Thanh	Xã Trà Phong, huyện Trà Bồng
165	Dao, rựa	2	Làng nghề rèn thôn Minh Khánh	Xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh
		2	CSSX Trần Thanh Hà	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa
166	Võng sợi	1	CSSX Nguyễn Văn Quang	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
167	Đồ gốm	1	Nguyễn Tấn Hợp	Xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ
168	Chén dĩa mo cau	1	Công ty TNHH MTV SXTM Phúc Thịnh	Xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa
169	Đồ mộc điêu khắc	1	Các hộ nghệ nhân làm mộc xã Nghĩa Hiệp	Xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa
		1	CS nghệ nhân Lê Duy Huy	Xã Bình Phước, huyện Bình Sơn
170	Hoa cúc	1	THT thanh niên trồng hoa cúc xã Nghĩa Hiệp	Xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa
		1	Các hộ trồng hoa xã Nghĩa Thương	Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa
171	Cây cảnh	1	Hộ nghệ nhân trồng hoa Võ Văn Dũng	Xã Hành Thịnh, Nghĩa Hành
		1	Làng nghề cây cảnh Hành Đức	Xã Hành Đức, Nghĩa Hành
		1	Đào Đức Vinh	Xã Hành Thịnh, Nghĩa Hành
172	Hoa lan	1	HSX Trần Văn Chương	Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức
		1	Võ Văn Dũng	Xã Hành Thịnh, Nghĩa Hành
		1	Đào Đức Vinh	Xã Hành Thịnh, Nghĩa Hành
173	Chổi cau, chổi dừa	2	HSX xã Hành Đức	Xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành
174	Đũa gỗ cao cấp	1	Nguyễn Hai	Xã Hành Phước, Nghĩa Hành
175	Bản đồ Việt Nam lắp ghép bằng gỗ	1	CSSX Nguyễn Thị Hoàng Vi	Xã Nghĩa Dũng, TP Quảng Ngãi
Nhóm 6	**Du lịch nông thôn, bán hàng**	**26**		
176	Du lịch cộng đồng Hồ Nước Tang	1	Cộng đồng thôn Nước Tang	Xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
177	Du lịch cộng đồng suối Chàm Rao	1	Cộng đồng thôn Chàm Rao	Xã Sơn Nham, huyện Sơn Hà
178	Du lịch cộng đồng Hồ chứa Nước Trong	1	Cộng đồng khu dân cư Mang Ka Muồng	Xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà
179	Tắm nước khoáng nóng tự nhiên	1	HTX NN Sơn Hạ	Xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà.
180	Du lịch cộng đồng - Khu trung tâm bảo tồn văn hóa Hre	1	HTX Du lịch cộng đồng - Khu trung tâm bảo tồn văn hóa Hre Sơn Hà	TT Di Lăng, huyện Sơn Hà
181	Khu du lịch sinh thái thác Tà Oong	1	Cộng đồng thôn Làng Ghè	Xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà
182	Du lịch cộng đồng Làng Reng	1	HTX NN Long Môn	Xã Long Môn, huyện Minh Long
183	Du lịch công đồng Làng Teng	1	HTX NLN và DVVH Làng Teng	Xã ba Thành, huyện Ba Tơ
184	Du lịch trải nghiệm xóm cây gạo	1	HTX Du lịch Xóm Cây Gạo	Xã Đức Tân, huyện Mộ Đức
185	Du lịch nông thôn	1	HTX Du Lịch cộng đồng	Xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức
		1	HTX NNDV du lịch cộng đồng Bình Thành	Xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành
		1	HTX NN Hành Dũng	Xã Hành Dũng, huyện Nghĩa hành
		1	HTX KD và DVNN Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi
		1	CS Huỳnh Thanh Tường	Xã Hành Thịnh, Nghĩa Hành
186	Du lịch cộng đồng Dương Quang	1	HTX Dịch vụ SX và tiêu thụ rau củ quả an toàn Đức Thắng	Xã Đức Thắng, huyện Mô Đức
187	Công viên làng Gò cỏ	1	HTX Du lịch Cộng đồng Làng Gò Cỏ	Phường Phổ hạnh, TX Đức

TT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tên chủ thể	Địa chỉ
				Phổ
188	Du lịch cộng đồng Bãi Dừa	1	Các hộ KDDV ở Bãi Dừa	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa
189	Câu cá dã ngoại	1	HTX NN Bình Hòa	Xã Bình Hòa, huyện Bình Sơn
190	Du lịch cộng đồng Cà Ninh	1	Cộng đồng xóm Cà Ninh	Xã Bình Phước, huyện Bình Sơn
191	Du lịch cộng đồng Gành Yến, du lịch làng nghề	1	HTX NN Bình Hải	Xã Bình Hải, huyện Bình Sơn
192	Du lịch cộng đồng Bàu Cá Cái	1	HTX du lịch cộng đồng Bầu Cá Cái	Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn
193	Điểm du lịch đầm La Băng	1	Trần Văn Có	Xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành
194	Điểm du lịch Bàu Lát	1	HKD Nguyễn Lào	Xã Hành Phước, Nghĩa Hành
195	Du lịch cộng đồng	1	Công ty CP VIPAS	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		1	HTX NN sinh thái Lý Sơn	Thôn An Vĩnh, Lý Sơn
		1	18 hộ kinh doanh homestay huyện Lý Sơn	

Phụ lục 2. Mô hình thí điểm xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu địa phương theo hướng kinh tế tuần hoàn và nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 - 2025

TT	Mô hình	Tên chủ thể	Sản phẩm	Địa chỉ thực hiện	Nội dung dự kiến	Ghi chú
1	Xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu hành, tỏi Lý Sơn	Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín	Tỏi đen, nước uống tỏi đen có nồng độ cồn thấp, đồ uống chức năng tỏi đen mật ong, bột tỏi, paste tỏi…	Huyện Lý Sơn	Ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến	Diện tích 10ha, tổng kinh phí thực hiện 11.130 triệu đồng
2	Chuỗi giá trị sản phẩm OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu hành tím	HTX NN Bình Hải	Hành tím Bình Hải	Huyện Bình Sơn	Kỹ thuật sản xuất nông nghiệp hữu cơ, giống, quy trình chế biến, đóng gói sản phẩm, chứng nhận tập thể, phương án kinh doanh, mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc, tư vấn hỗ trợ hồ sơ tham gia Chương trình.	Diện tích thực hiện khoảng 250ha, 04 vụ/năm, trên 136 hộ tham gia trồng

TT	Mô hình	Tên chủ thể	Sản phẩm	Địa chỉ thực hiện	Nội dung dự kiến	Ghi chú
3	Chuỗi giá trị sản phẩm OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu Lạc (đậu phụng)	HTX NN Phổ An	Dầu phụng	Thị xã Đức Phổ	Kỹ thuật sản xuất nông nghiệp hữu cơ, giống, quy trình chế biến, đóng gói sản phẩm, chứng nhận tập thể, phương án kinh doanh, mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc, tư vấn hỗ trợ hồ sơ tham gia Chương trình.	Diện tích 300 ha/ 2 vụ/năm
4	Mô hình Xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP xanh gắn với vùng cây ăn trái			Huyện Nghĩa Hành	Kỹ thuật sản xuất nông nghiệp hữu cơ, giống, quy trình chế biến, đóng gói sản phẩm, chứng nhận tập thể, phương án kinh doanh, mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc, tư vấn hỗ trợ hồ sơ tham gia Chương trình	

TT	Mô hình	Tên chủ thể	Sản phẩm	Địa chỉ thực hiện	Nội dung dự kiến	Ghi chú
5	Xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu địa phương đối với mô hình và sản phẩm Bưởi da xanh	HTX	Bưởi da xanh hữu cơ	Huyện Sơn Tây	Hỗ trợ giống, vật tư đầu vào, chuyển giao kỹ thuật sản xuất theo hướng hữu cơ, kinh tế tuần hoàn ; - Hỗ trợ xây dựng phương án kinh doanh, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc, tư vấn lập hồ đăng ký công nhận sản phẩm OCOP…	Diện tích trồng 50ha

Phụ lục 3. Mô hình nâng cao năng lực sơ chế và chế biến quy mô vừa và nhỏ giai đoạn 2022 - 2025

TT	Mô hình	Tên chủ thể	Sản phẩm	Địa chỉ thực hiện	Nội dung dự kiến	Ghi chú
1	Mô hình dây chuyền cơ sở sản xuất bánh tráng	HSX Lê Thái Cường	Bánh tráng Huy Cường	Huyện Mộ Đức	Dây phơi, băng chuyền chuyển hướng, máy vo gạo, băng tải chuyền bánh tráng,…	Quy mô 6-7 tạ/ngày
2	Mô hình sơ chế, chế biến thịt gia cầm	HTX Nông nghiệp sạch Sơn Hà	Gà kiến Sơn Hà	Huyện Sơn Hà	Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế, chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Quy mô 2ha
3	Mô hình sơ chế, chế biến thịt heo sạch	HTX Chăn nuôi	Heo sạch Tư Nghĩa	Huyện Tư Nghĩa	Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế, chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.	Quy mô 900 tấn/năm
4	Mô hình sơ chế và chế biến, tiêu thụ cá lồng tự nhiên	Tổ hợp tác nuôi cá lồng bè Tịnh Sơn	Cá trắm thịt nuôi lồng tự nhiên	Huyện Sơn Tịnh	Hỗ trợ máy móc và dụng cụ sơ chế, đóng gói, phương án kinh doanh, mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc, tư vấn hỗ trợ hồ sơ tham gia Chương trình	Quy mô 60 lồng

TT	Mô hình	Tên chủ thể	Sản phẩm	Địa chỉ thực hiện	Nội dung dự kiến	Ghi chú
5	Mô hình chế biến và đóng gói, tiêu thụ các sản phẩm quế, gừng, chuối…	HTX Dịch vụ nông lâm nghiệp Trà Thuỷ	Nông sản hữu cơ	Huyện Trà Bồng	- Hỗ trợ phương án kinh doanh, mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc, tư vấn hỗ trợ hồ sơ tham gia Chương trình… - Hỗ trợ dàn máy nghiền, máy sấy lạnh, máy đóng gói, chai, và dụng cụ sơ chế, đóng gói…	Quy mô 130 tấn/năm

Phụ lục 4. Mô hình thí điểm sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch cộng đồng giai đoạn 2022 - 2025

TT	Mô hình	Tên chủ thể	Sản phẩm	Địa chỉ thực hiện	Nội dung dự kiến	Ghi chú
1	Mô hình nông nghiệp – nông thôn kết hợp với phát triển du lịch cộng đồng	HTX rau củ quả an toàn Đức Thắng	Du lịch nông nghiệp gắn với không gian văn hoá Sa Huỳnh	Huyện Mộ Đức	Hỗ trợ xây dựng các ngôi nhà homestay, hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng điểm trưng bày để giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, sàn thương mại điện tử để bán sản phẩm OCOP…	
2	Mô hình du lịch cộng đồng Công viên Làng Gò Cỏ	HTX Du lịch cộng đồng Làng Gò Cỏ	Công viên Làng Gò Cỏ	Thị xã Đức Phổ	Hỗ trợ xây dựng các ngôi nhà homestay, hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng điểm trưng bày để giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, sàn thương mại điện tử để bán sản phẩm OCOP…	
3	Mô hình nông nghiệp – nông thôn kết hợp với phát triển du lịch cộng đồng Mỹ Khê	HTX Nông nghiệp và du lịch cộng đồng Mỹ Khê	Du lịch cộng đồng Mỹ Khê	Thành phố Quảng Ngãi	Khu văn hóa tâm linh Thiên Mã, Chùa Minh Đức, cầu Cổ Lũy, bãi tắm Mỹ Khê, hay các khu resort ven biển kết hợp với phát triển du lịch cộng đồng Mỹ Khê. Hỗ trợ xây dựng Khu nhà dành cho quản lý, điều hành, bán hàng lưu niệm; chòi nghỉ, vườn hoa, đường đi dạo, khu vực vệ sinh, ...	Diện tích 5ha

TT	Mô hình	Tên chủ thể	Sản phẩm	Địa chỉ thực hiện	Nội dung dự kiến	Ghi chú
4	Mô hình du lịch trải nghiệm văn hóa của người đồng bào dân tộc H'rê	Nhóm du lịch thanh niên Ba Tơ	Du lịch trải nghiệm văn hoá của người đồng bào dân tộc H'rê	Huyện Ba Tơ	Hỗ trợ xây dựng khu bảo tồn văn hóa người dân tộc H'rê, các ngôi nhà homestay, hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kết nối các tour du lịch…	
5	Mô hình du lịch cộng đồng văn hóa cồng chiêng	HTX Dịch vụ nông lâm nghiệp Trà Thuỷ	Du lịch cộng đồng văn hóa cồng chiêng xã Trà Thuỷ	Huyện Trà Bồng	Dịch vụ du lịch thưởng thức văn hóa cồng chiêng, dịch vụ tắm suối và ăn uống. Hỗ trợ xây dựng đường bê tông đến suối, sửa chữa nhà văn hóa thôn, hỗ trợ nhà sàn cho du khách nghỉ dưỡng, xây dựng nhà vệ sinh công cộng.	
6	Mô hình du lịch trải nghiệm bản sắc văn hóa đồng bào Dân tộc Ca dong	Tổ hợp tác	Dịch vụ du lịch trải nghiệm văn hóa đồng bào Ca dong	Huyện Sơn Tây	Hỗ trợ sưu tầm, phục dựng và trưng bày các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể. Hỗ trợ xây dựng phương án, kế hoạch kinh doanh, đào tạo hướng dẫn viên du lịch cộng đồng, xúc tiến quảng bá hình ảnh (xây dựng Website, xây dựng video giới thiệu văn hóa đồng bào Ca dong).	

Phụ lục 5. Bảng tổng hợp kinh phí Đề án chương trình OCOP tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025

STT	Nội dung	Dự kiến kinh phí giai đoạn 2022-2025					
		Tổng kinh phí (đồng)	Nhà nước hỗ trợ				Vốn huy động từ cơ sở sản xuất
			Cộng	*Trong đó*			
				NS TW từ CT NTM	NS tỉnh từ CT NTM	Vốn huy động, lồng ghép từ các Chương trình khác của cấp huyện	
1	Hội đồng đánh giá	5.752.320.000	5.752.320.000	2.876.160.000	2.876.160.000		
2	Nâng cao năng lực chủ thể	1.779.200.000	1.779.200.000	156.800.000	1.622.400.000		
3	Hỗ trợ xúc tiến thương mại	1.200.000.000	1.200.000.000		1.200.000.000		
4	Hỗ trợ phát triển sản phẩm	40.000.000.000	30.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
5	Dự án tạo động lực	3.600.000.000	3.600.000.000		3.600.000.000		

STT	Nội dung	Dự kiến kinh phí giai đoạn 2022-2025					
		Tổng kinh phí (đồng)	Nhà nước hỗ trợ				Vốn huy động từ cơ sở sản xuất
			Cộng	*Trong đó*			
				NS TW từ CT NTM	NS tỉnh từ CT NTM	Vốn huy động, lồng ghép từ các Chương trình khác của cấp huyện	
	Tổng cộng	**52.331.520.000**	**42.331.520.000**	**13.032.960.000**	**19.298.560.000**	**10.000.000.000**	**10.000.000.000**
	Phân kỳ kinh phí		80.89%	24.90%	36.88%	19.11%	19.11%
-	Năm 2022	10.568.000.000	10.568.000.000		8.235.000.000	2.333.000.000	
-	Năm 2023	16.705.408.000	12.705.408.000	5.213.184.000	4.425.424.000	3.066.800.000	4.000.000.000
-	Năm 2024	12.529.056.000	9.529.056.000	3.909.888.000	3.319.068.000	2.300.100.000	3.000.000.000
-	Năm 2025	12.529.056.000	9.529.056.000	3.909.888.000	3.319.068.000	2.300.100.000	3.000.000.000